

Số: 55 /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH**Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông và hoạt động viễn thông công ích**

Kính gửi: Chính phủ

Triển khai thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6, Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) đã triển khai nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông và hoạt động viễn thông công ích (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ TTTT trình Chính phủ về dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở pháp lý**

Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 (sau đây gọi là Luật Viễn thông) đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 và được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 11/2023/L-CTN ngày 01 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Khoản 2 Điều 32 của Luật Viễn thông giao Chính phủ: “*Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích, bao gồm mức đóng góp tối đa, đối tượng được miễn, giảm đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; việc quản lý, sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho hoạt động viễn thông công ích; thời hạn hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích bảo đảm tính ổn định, liên tục thông qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.*”

2. Căn cứ thực tiễn

Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Quốc hội (sau đây gọi là Luật Viễn thông 2009) và Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 ngày 4 tháng 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông 2009 (sau đây gọi là Nghị định 25) là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, trong đó quy định một số nguyên tắc về hoạt động viễn thông công ích và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Trong quá trình thi hành Luật Viễn thông 2009 về hoạt động viễn thông công ích đã gặp các khó khăn, vướng mắc về phương thức thực hiện, cơ chế tài chính hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích do áp dụng các quy định pháp luật hiện hành không phù hợp, nhất là cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, là những khu vực kinh doanh theo cơ chế thị trường không đủ bù đắp chi phí do chi phí cao, doanh thu thấp.

Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thời gian qua về hoạt động viễn thông công ích, Luật Viễn thông năm 2023 đã bổ sung một số quy định mới về nguyên tắc quản lý hoạt động viễn thông công ích và giao Chính phủ quy định chi tiết hoạt động viễn thông công ích, cơ chế tài chính hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích để phù hợp với đặc thù lĩnh vực viễn thông; tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý hoạt động viễn thông công ích thông qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

a) Quy định chi tiết một số nội dung được Luật Viễn thông năm 2023 giao. Nhằm tiếp tục cụ thể hóa chính sách thực hiện hoạt động viễn thông công ích của Đảng và Nhà nước đã được Quốc hội thông qua tại Luật Viễn thông và giao Chính phủ quy định.

b) Bảo đảm việc triển khai, thực hiện chính sách về viễn thông công ích có tính minh bạch, thống nhất, ổn định, liên tục, hiệu quả và phù hợp, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

c) Tạo căn cứ pháp lý để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện một số chính sách viễn thông công ích có tính đặc thù riêng.

d) Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của các quy định tại Luật Viễn thông.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

a) Bám sát chủ trương, định hướng, chính sách của Chính phủ, Quốc hội đã quy định trong quá trình xây dựng Luật Viễn thông;

b) Tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của hệ thống pháp luật có liên quan; bảo đảm tiến độ thực hiện theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao;

c) Tham khảo và kế thừa có chọn lọc các quy định hiện hành; bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật và tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên;

d) Nội dung rõ ràng, cụ thể, chi tiết và khả thi;

đ) Chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ được giao trong Luật (gồm các nội dung quy định chi tiết theo Quyết định số 19/QĐ-TTg

ngày 08/01/2024 và các nội dung thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ tại khoản 1 Điều 32, và khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai các bước thực hiện như sau:

1. Ngày 30 tháng 01 năm 2024, Bộ trưởng Bộ TTTT đã ban hành Quyết định số 98/QĐ-BTTTT về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và ngày 10 tháng 5 năm 2024, Bộ TTTT đã ban hành Quyết định số 759/QĐ-BTTTT kiện toàn thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích.

2. Ngày 06 tháng 02 năm 2024, Bộ TTTT đã đăng dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Ngày 06 tháng 02 năm 2024, Bộ TTTT đã có Công văn số 523/BTTTT-KHTC gửi dự thảo Nghị định để lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các doanh nghiệp viễn thông.

4. Bộ TTTT đã tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để xin ý kiến về một số nội dung của dự thảo Nghị định vào các ngày 16/5/2024.

5. Cùng với việc đăng tải công khai dự thảo Nghị định, gửi lấy ý kiến chính thức bằng văn bản, Bộ TTTT đã tổ chức lấy ý kiến trực tiếp thông qua một số hình thức như cuộc họp, hội thảo về các nội dung trong dự thảo Nghị định với các đối tượng chịu sự điều chỉnh.

6. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia (đến ngày 15/6/2024 đã nhận được tổng số 76 văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp), Bộ TTTT đã tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ Nghị định gửi xin ý kiến lần 2 Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 2244/BTTTT-KHTC ngày 10/6/2024); Bộ Tài chính (Văn bản số 2243/BTTTT-KHTC ngày 10/6/2024), Bộ Xây dựng (Văn bản số 2310/BTTTT-KHTC ngày 13/6/2024); các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập và các doanh nghiệp viễn thông (Văn bản số 2374/BTTTT-KHTC ngày 17/6/2024).

7. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia, Bộ TTTT đã tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ Nghị định gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về hồ sơ Nghị định.

8. Ngày ... tháng... năm 2024, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số .../BCTĐ-BTP thẩm định về dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ TTTT đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định để trình Chính phủ xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 04 Chương, 35 Điều, quy định chi tiết thi hành khoản 1 và khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông:

Chương I: gồm 03 Điều, từ Điều 1 đến Điều 3; quy định về: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ.

Chương II: gồm 10 Điều, từ Điều 4 đến Điều 13; quy định chi tiết về điều kiện, quy trình, biểu mẫu thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các đối tượng theo các phương thức hỗ trợ được quy định tại Luật Viễn thông.

Chương III: gồm 18 Điều, từ Điều 14 đến Điều 31; quy định về quản lý tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích (bao gồm cả các biểu mẫu).

Chương IV: gồm 04 Điều, từ Điều 32 đến Điều 35; quy định về điều khoản thi hành.

2. Nội dung tổng quát của Nghị định

Bộ TTTT đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật viễn thông và chia thành hai nhóm nội dung chính như sau:

2.1. Quy định chi tiết phương thức thực hiện hoạt động viễn thông công ích (quy định chi tiết khoản 1 Điều 32 Luật Viễn thông). Trong nhóm nội dung này, có 3 các nội dung cần quy định cụ thể:

a) Phương thức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Phương thức thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng được hỗ trợ;

c) Phương thức thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các đối tượng được hỗ trợ.

2.2. Về quản lý tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích (quy định chi tiết khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông). Trong nhóm nội dung này, có 3 nội dung cụ thể sau:

a) Quy định về nghĩa vụ đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam: Mức đóng góp tối đa, đối tượng được miễn, giảm đóng góp;

b) Quy định việc quản lý, sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho hoạt động viễn thông công ích;

c) Quy định về thời hạn hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích đảm bảo tính liên tục, ổn định thông qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3. Nội dung cụ thể các vấn đề trong Nghị định

3.1. Quy định về thực hiện các phương thức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Viễn thông, dịch vụ viễn thông công ích bao gồm dịch vụ viễn thông phổ cập và dịch vụ viễn thông bắt buộc.

Điểm a khoản 3 Điều 31 Luật Viễn thông quy định: Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam “*Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để bù đắp chi phí cho doanh nghiệp viễn thông phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông tại khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các khu vực khó có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường*”. Theo đó, toàn bộ quá trình đầu tư, duy trì cung cấp dịch vụ do doanh nghiệp thực hiện, nhà nước sẽ hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

Điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Viễn thông quy định thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo các phương thức: Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và giao Chính phủ quy định chi tiết.

3.1.1. Đặc thù của hoạt động viễn thông công ích và đề xuất nguyên tắc chung trong quản lý hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập

3.1.1.1. Đặc thù hoạt động viễn thông công ích

Thứ nhất, hoạt động viễn thông có tính quy mô, được vận hành theo toàn bộ hệ thống mạng lưới hạ tầng của doanh nghiệp, có sự thống nhất về kỹ thuật công nghệ; dịch vụ cung cấp ở địa bàn này nhưng liên quan đến chi phí phát sinh ở các địa bàn khác. Do đó việc xác định đầy đủ chi phí cung cấp dịch vụ ở một khu vực cụ thể là rất phức tạp, khó chính xác.

Thứ hai, việc đầu tư công trình hạ tầng mới để phổ cập dịch vụ viễn thông tại một khu vực còn lỡm lợm là đầu tư trực tiếp tại khu vực này, nhưng đồng thời phải sử dụng hệ thống dùng chung của toàn mạng lưới; doanh nghiệp có thể linh hoạt huy động, điều chuyển thiết bị trên mạng lưới, đã sử dụng hoặc còn tồn kho của các dự án, dẫn đến giá trị tài sản tại giữa các địa bàn cụ thể (thôn, bản) là có sự khác nhau.

Thứ ba, về quy mô đầu tư, ngoài đầu tư để cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu của nhà nước, doanh nghiệp có thể kết hợp đầu tư theo mục tiêu lâu dài, tự đảm bảo nguồn vốn. Trong trường hợp này, nhà nước không thể bù đắp toàn bộ chi phí do doanh nghiệp đầu tư mà chỉ hỗ trợ chi phí để phổ cập dịch vụ viễn thông. Vì vậy, cần thiết có cơ chế giới hạn phần hỗ trợ của nhà nước, còn lại doanh nghiệp tự đảm bảo từ hoạt động kinh doanh trên mạng lưới.

Thứ tư, do có sự khác biệt về địa hình, mật độ dân cư dẫn đến có sự chênh lệch lớn về doanh thu và chi phí cung cấp dịch vụ giữa các khu vực. Doanh thu phát sinh cần được tính là một nguồn để bù đắp một phần chi phí, do đó cơ chế xác định mức hỗ trợ của nhà nước cần tránh trùng lặp về nguồn bù đắp chi phí.

Thứ năm, trách nhiệm đầu tư, cách thức tổ chức mạng lưới giữa các doanh nghiệp khác nhau và chi phí phát sinh bao gồm nhiều nội dung: chi phí sử dụng tài sản do doanh nghiệp đầu tư, chi phí thuê dịch vụ hạ tầng, thuê địa điểm lắp đặt, bảo vệ. Đây là những chi phí phụ thuộc rất nhiều vào thực tế, khó định mức cụ thể. Chính sách hỗ trợ của nhà nước là hỗ trợ bù đắp chi phí hoạt động viễn thông công ích cho doanh nghiệp; do đó cần nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác báo cáo và giải trình.

3.1.1.2. Đề xuất nguyên tắc chung về hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Điều a khoản 3 Điều 31 Luật Viễn thông quy định Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam “*Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để bù đắp chi phí cho doanh nghiệp viễn thông phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông tại khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các khu vực khó có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường*”.

Với tính đặc thù trên của hoạt động viễn thông công ích, việc xác định đầy đủ chi phí của doanh nghiệp khi phổ cập dịch vụ cho một thôn, bản là rất phức tạp, nếu áp dụng các quy định hiện hành về đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ rất khó khăn, không phù hợp. Để xác định “*chi phí doanh nghiệp viễn thông phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông*” đáp ứng nhu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông của nhà nước, Bộ TTTT đề nghị nguyên tắc chung như sau:

Nhà nước *hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại khu vực khó khăn theo chi phí thực tế, nhưng không vượt quá các định mức chi phí do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và phải trừ doanh thu cung cấp dịch vụ tại địa bàn cung cấp dịch vụ*. Trong đó:

- Chi phí doanh nghiệp được hỗ trợ bù đắp là các chi phí phát sinh tại khu vực được hỗ trợ phổ cập dịch vụ, bao gồm: Chi phí khấu hao và chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập. Trong điều kiện doanh nghiệp vừa thực hiện hoạt động viễn thông công ích, vừa kinh doanh, biện pháp quản lý phù hợp với nguyên tắc nêu trên là nhà nước phải ban hành các định mức chi phí để giới hạn phần hỗ trợ của nhà nước, bao gồm:

- + Định chi phí khấu hao tài sản cố định công trình hạ tầng.
- + Định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng.

Do đặc thù thiết lập hạ tầng cung cấp dịch vụ, định mức chi phí khấu hao tài sản cố định công trình hạ tầng, định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng là biện pháp quản lý để không vượt quá yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông.

Nội dung chi phí cấu thành định mức duy trì công trình hạ tầng bao gồm: Chi phí điện, nhiên liệu, năng lượng, nhân công, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên; chi phí thuê địa điểm lắp đặt và các chi phí liên quan khác (nếu có) và không tính chi phí quản lý chung của mạng lưới và đây là những chi phí tương đối ổn định, có thể xác định để áp dụng thống nhất cho từng khu vực cho các doanh nghiệp và được quy định áp dụng cụ thể cho từng trường hợp giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu giảm trừ là doanh thu dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực. Bộ TTTT đề nghị Chính phủ giao Bộ TTTT hướng dẫn phù hợp với Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của từng giai đoạn.

Để đảm bảo thực hiện giải pháp trên, Bộ TTTT sẽ *tổ chức lập và công bố thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập; ban hành quy trình duy trì, vận hành khai thác công trình hạ tầng theo thiết kế tiêu chuẩn làm cơ sở xây dựng định mức chi phí khấu hao và định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập*. Trong dự thảo Nghị định, Bộ TTTT đề nghị định mức chi phí khấu hao được xác định trên cơ sở giá trị dự toán công trình hạ tầng theo thiết kế tiêu chuẩn và chế độ quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản của doanh nghiệp, áp dụng thời gian trích khấu hao là thời gian trung bình giữa thời gian trích khấu hao tối đa và thời gian trích khấu hao tối thiểu tài sản cố định, áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Theo đó định mức chi phí khấu hao là mức chi phí khấu hao tối đa khi xác định mức hỗ trợ cụ thể cho từng doanh nghiệp.

Nguyên tắc trên được quy định áp dụng cụ thể trong Nghị định khi thực hiện các phương thức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập và cơ chế tài chính hỗ trợ hoạt động viễn thông phổ cập theo phương thức đấu thầu.

Nghị định quy định điều kiện, căn cứ, quy trình thực hiện các phương thức từ Điều 4 đến Điều 7.

Sau đây là một số cơ chế đề xuất áp dụng trong thực hiện các phương thức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3.1.2. Đối với phương thức đấu thầu

Theo quy trình thông thường để đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cần xây dựng, phê duyệt dự toán làm căn cứ phê duyệt kế hoạch lựa nhà thầu; trong đó, dự toán bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định công trình cung cấp dịch vụ; bao gồm cả cấu phần xây dựng (nhà trạm, cột ăng-ten, cột treo cáp truyền dẫn, ...) và giá trị thiết bị viễn thông. Tuy nhiên, giá trị dự toán công trình là do doanh nghiệp (chủ đầu tư) lập và thực hiện theo pháp luật xây dựng và *chi*

tiến hành lập sau khi doanh nghiệp được lựa chọn. Mặt khác, khi Bộ TTTT lập dự toán để đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ là để hỗ trợ cung cấp dịch vụ trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, *không hình thành dự án.* Do đó, đối với phần dự toán của cấu phần xây dựng sẽ không được cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng thẩm định (do không hình thành dự án). Vì vậy, việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán để làm căn cứ lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy trình thông thường là không thực hiện được.

Ngày 23/6/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Đấu thầu (Số 22/2023/QH15) và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Theo đó, tại điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP có quy định: *Trường hợp có sẵn kinh phí để mua sắm... không phải lập dự toán* Đồng thời, tại Điều 64 Luật Đấu thầu và khoản 6 Điều 112 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP có quy định hình thức hợp đồng theo kết quả đấu ra. Đây là các nội dung mới được quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Với đặc thù của hoạt động viễn thông công ích là được đảm bảo nguồn kinh phí từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam do đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông và được xác định và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khi phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của từng giai đoạn. Đồng thời, việc đầu tư phát triển hạ tầng để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hỗ trợ là đầu tư ở mức cơ bản đảm bảo yêu cầu phổ cập dịch vụ viễn thông; do đó, cần có công cụ kiểm soát để mức hỗ trợ từ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho các doanh nghiệp ở mức phù hợp (không hỗ trợ phần đầu tư để thực hiện mục tiêu kinh doanh lâu dài của doanh nghiệp).

Trên cơ sở Luật Đấu thầu năm 2023, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ TTTT thấy việc đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có thể áp dụng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP: *Cơ quan mua sắm không phải lập, phê duyệt dự toán, nhưng vẫn xây dựng được gói thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức đấu thầu và áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đấu ra* theo quy định tại khoản 6 Điều 64 Luật Đấu thầu năm 2023, khoản 6 Điều 112 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (là cơ sở kiểm soát kết quả thực hiện và chi phí phát sinh thực tế trong công tác phát triển và duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập).

Với nội dung báo cáo nêu trên, Bộ TTTT đề xuất quy định áp dụng pháp luật về đấu thầu đối với trường hợp đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại dự thảo Nghị định như sau:

(i) Bộ TTTT tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán toán mua sắm dịch vụ viễn thông ích thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

(ii) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam căn cứ dự toán mua sắm lập, báo cáo Bộ TTTT dự toán sơ bộ (là số kinh phí ước tính để thực hiện đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thuộc phạm vi dự toán mua sắm nêu trên). Dự toán sơ bộ được căn cứ vào một trong các căn cứ sau:

- Báo giá của ít nhất một doanh nghiệp theo cấu trúc báo giá do bên mời thầu quy định.

- Mức hỗ trợ doanh nghiệp theo thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập xác định theo nguyên tắc tại điểm 3.1.1.2 nêu trên.

- Số liệu của các công trình cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đã được thực hiện trong vùng trước đó.

- Kết hợp các căn cứ nêu trên.

(iii) Căn cứ dự toán sơ bộ hoặc đồng thời với quá trình lập dự toán sơ bộ, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (Quỹ) lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Bộ TTTT phê duyệt; trong đó, *áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đầu ra*.

(iv) Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Quỹ thực hiện tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Doanh nghiệp thực hiện gói thầu tổ chức thực hiện đầu tư công trình theo quy định về đầu tư (khâu này, các doanh nghiệp là chủ đầu tư và tổ chức thực hiện như các dự án khác; Bộ TTTT không tham gia trong quá trình thực hiện đầu tư của doanh nghiệp).

(v) Sau khi công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ hoàn thành, đưa vào sử dụng; các doanh nghiệp trúng thầu thực hiện báo cáo kết quả đầu ra và đề xuất thanh toán. Trong báo cáo kết quả đầu ra, ngoài các nội dung báo cáo về đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công trình hạ tầng, báo cáo của doanh nghiệp còn bao gồm các nội dung báo cáo về tài chính như sau:

- Báo cáo quyết toán công trình (chi tiết theo từng địa điểm đầu tư); trong đó, chi tiết giá trị các thành phần cấu thành công trình (Nguyên giá, giá trị còn lại, thời gian trích khấu hao còn lại). Đối với các thành phần cấu thành công trình không xác định được giá trị còn lại, thời gian trích khấu hao còn lại thì giá trị của thành phần này được xác định bằng 0 (không) khi xác định chi phí khấu hao tài sản cố định thực tế. Chi phí khấu hao đề nghị thanh toán là chi phí khấu hao thực tế, nhưng không vượt quá định mức chi phí khấu hao do Bộ TTTT ban hành.

- Chi phí duy trì công trình hạ tầng: Áp dụng theo kết quả đấu thầu, nhưng không vượt quá định mức chi phí duy trì Bộ TTTT ban hành.

- Doanh thu giảm trừ khi xác định mức hỗ trợ là doanh thu phát sinh tại khu vực được xác định theo kết quả đấu thầu.

3.1.3. Đối với phương thức đặt hàng

Hiện nay, chưa có văn bản pháp luật quy định chuyên ngành (từ cấp Nghị định trở lên) đối với hoạt động đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Do đó, trong giai đoạn vừa qua khi triển khai chính sách đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải áp dụng quy định chung của Nhà nước về đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; theo đó, một trong các điều kiện để thực hiện đặt hàng là phải có giá dịch vụ. Thực tế các doanh nghiệp hiện nay không có đủ cơ sở và không lập được phương án giá cung cấp dịch vụ tại 01 khu vực (01 thôn) nên đến nay chưa triển khai được việc hỗ trợ theo phương thức này.

Mặt khác, Điều 56 Luật Viễn thông quy định về giá dịch vụ viễn thông bao gồm: (i) Giá dịch vụ viễn thông áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ và (ii) Giá dịch vụ giữa các doanh nghiệp viễn thông; không có quy định về giá cung cấp dịch vụ cho 01 khu vực (01 thôn). Các công trình cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại các khu vực này khi đầu tư mới hoặc là các công trình các doanh nghiệp đã thực hiện đầu tư trước đây theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị; nhất là trong thời gian từ năm 2021 đến nay (thời gian tăng cường phủ sóng di động hỗ trợ công tác phòng, chống dịch Covid-19), với thời hạn quy định trong Nghị định là 05 năm. Do đó, về cơ bản các công trình này chỉ phát sinh chi phí duy trì.

Để giải quyết tồn tại, vướng mắc nêu trên và đảm bảo phù hợp với đặc thù của lĩnh vực viễn thông, Bộ TTTT đề xuất quy định Nghị định việc đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được là mức hỗ trợ do cơ quan nhà nước ban hành, các doanh nghiệp không phải xây dựng phương án giá như quy định chung tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Doanh nghiệp nhận đặt hàng được hỗ trợ tài chính xác định theo công thức sau:

Mức hỗ trợ = Chi phí duy trì, vận hành (Theo định mức Bộ TTTT ban hành) - Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông tại thôn (theo thực tế doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn của Bộ TTTT).

3.1.4. Đối với phương thức giao nhiệm vụ

Hiện nay, có một số khu vực chỉ có 01 doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (đảo, nhà giàn trên biển) hoặc một số dịch vụ viễn thông bắt buộc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được thực hiện thông qua các dịch vụ viễn thông vệ tinh (VSAT-IP, Inmarsat, ...) các dịch vụ này chỉ có 01 doanh nghiệp thực hiện; việc đầu tư phát triển hạ tầng tại khu vực này có sự khác biệt rất lớn, có tính đặc thù cao. Do đó, để đảm bảo việc đầu tư phát triển hạ tầng để cung cấp dịch vụ cho khu vực biển đảo, góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền của đất nước, cần được giao cho 01 doanh nghiệp triển khai thực hiện. Do vậy, Bộ TTTT đề xuất quy định tại dự thảo Nghị định về

trường hợp giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện là *cung cấp dịch vụ đến khu vực các đảo, nhà giàn chưa có dịch vụ đến thời điểm triển khai và các trường hợp khác theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.*

Khi thực hiện phương thức này, các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ lập phương án kỹ thuật cung cấp dịch vụ và dự toán kinh phí báo cáo Bộ TTTT phê duyệt. Doanh nghiệp báo cáo kết quả thực hiện và được thanh toán chi phí thực tế trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3.2. Phương thức thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được hỗ trợ

Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Viễn thông quy định việc hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được hỗ trợ được thực hiện thông qua doanh nghiệp viễn thông theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Đối với chính sách hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, đối tượng được hỗ trợ có quyền lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; đối tượng thường xuyên biến động, đòi hỏi phải có cơ chế kết hợp quản lý giữa Trung ương và địa phương, doanh nghiệp.

3.2.1. Đối với phương thức đặt hàng

Từ thực tế triển khai thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích trong chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông các giai đoạn vừa qua, trên cơ sở vận dụng phù hợp các quy định về đặt hàng cung cấp dịch vụ công tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, đồng thời bổ sung các điều kiện, quy định đặc thù trong lĩnh vực viễn thông, Bộ TTTT đã đề xuất quy định chi tiết về phương thức đặt hàng doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được hỗ trợ như sau:

- Quy định phương thức đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho đối tượng được hỗ trợ như thực tế đã triển khai các chương trình trước đây.

- Chỉ thay đổi nội dung là: *Giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích được ban hành, áp dụng cho cả giai đoạn (Chương trình) và chỉ điều chỉnh khi có biến động lớn về các yếu tố hình thành giá.* Quy định này nhằm giải quyết khó khăn hiện nay là giá dịch vụ và mức hỗ trợ đối tượng được lập và ban hành hàng năm gây phát sinh nhiều thủ tục, tốn thời gian, công sức không cần thiết trong quá trình thực hiện đặt hàng.

- Đồng thời, trên cơ sở thực tế triển khai các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, tại dự thảo Nghị định bổ sung quy định về quy trình xác nhận, hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; trong đó, quy định trách nhiệm xác nhận đối tượng được nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích là Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Sở, ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

3.2.2. Đối với phương thức giao nhiệm vụ

Trong các giai đoạn trước chưa triển khai phương thức này. Tại dự thảo Nghị định quy định chỉ áp dụng phương thức giao nhiệm vụ đối với trường hợp các dịch vụ chưa được cấp có thẩm quyền ban hành giá dịch vụ và mức hỗ trợ. Bộ TTTT đề xuất thực hiện như sau:

- Bộ TTTT quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, dự toán hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ báo cáo Bộ TTTT.
- Căn cứ kế hoạch, dự toán được Bộ TTTT phê duyệt, Quỹ ký hợp đồng thực hiện với doanh nghiệp, thực hiện nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng và thanh toán kinh phí theo quy định.

3.2.3. Đối với phương thức hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng

Trong các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích các giai đoạn trước, chưa thực hiện phương thức này. Để thực hiện phương thức này, các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ phải có tài khoản để tiếp nhận kinh phí hỗ trợ. Do vậy, tại dự thảo Nghị định, Bộ TTTT đề xuất quy định một số nguyên tắc cơ bản, điều kiện để thực hiện phương thức này. Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng thời kỳ, Bộ TTTT sẽ trình Thủ tướng Chính phủ áp dụng phương thức hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

3.3. Phương thức thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho đối tượng được hỗ trợ

Điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Viễn thông quy định việc hỗ trợ thiết bị đầu cuối bằng tiền hoặc hiện vật cho đối tượng được hỗ trợ được thực hiện thông qua doanh nghiệp theo phương thức giao nhiệm vụ, đấu thầu hoặc hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Từ kinh nghiệm thực tế triển khai thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các đối tượng được hỗ trợ trong chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông các giai đoạn vừa qua, Bộ TTTT đã đề xuất quy định chi tiết về phương thức giao nhiệm vụ, đấu thầu để thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho đối tượng được hỗ trợ thông qua doanh nghiệp.

3.3.1. Phương thức đấu thầu

Đề xuất áp dụng phương thức đấu thầu trong trường hợp thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối bằng hiện vật cho đối tượng được hỗ trợ. Khi đó, Bộ TTTT giao Quỹ tổ chức đấu thầu mua thiết bị để cấp cho các đối tượng được hỗ trợ theo danh sách đối tượng được cấp có thẩm quyền công bố.

3.3.2. Phương thức giao nhiệm vụ

Đề xuất áp dụng phương thức giao nhiệm vụ trong trường hợp thực hiện hỗ trợ thiết bị đầu cuối với hình thức bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ. Khi đó, Bộ TTTT thông giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ bằng tiền

cho các đối tượng được hỗ trợ theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức hỗ trợ được cấp có thẩm quyền ban hành.

3.3.3. Phương thức hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ

Tương tự như phương thức hỗ trợ trực tiếp đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, trong các giai đoạn trước chưa thực hiện phương thức này. Tại dự thảo Nghị định, Bộ TTTT đề xuất áp dụng phương thức này trong trường hợp hỗ trợ thiết bị đầu cuối với hình thức hỗ trợ bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ và đối tượng có tài khoản để tiếp nhận kinh phí hỗ trợ. Khi đó, Quỹ thực hiện chuyển tiền vào tài khoản của đối tượng được hỗ trợ theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức hỗ trợ được cấp có thẩm quyền ban hành.

3.4. Về quản lý tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích

Khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông quy định Chính phủ quy định cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích, bao gồm mức đóng góp tối đa, đối tượng được miễn, giảm đóng góp vào Quỹ; việc quản lý, sử dụng Quỹ cho hoạt động viễn thông công ích; thời hạn hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích bảo đảm tính ổn định, liên tục thông qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

a) Quy định về mức đóng góp tối đa, đối tượng được miễn, giảm đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

a1) Mức đóng góp tối đa vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, căn cứ thực tế thực hiện các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trước đây và căn cứ tình hình phát triển kinh tế, xã hội, phát triển của thị trường và công nghệ viễn thông, Bộ TTTT đề xuất quy định mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ tối đa là 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông; Thủ tướng Chính phủ quyết định mức đóng góp cụ thể của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

a2) Đối tượng được miễn, giảm đóng góp vào Quỹ

Trong các giai đoạn trước, chưa có văn bản pháp luật quy định các trường hợp miễn, giảm đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ.

Theo thông lệ quốc tế và với mục tiêu hình thành Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích tại Việt Nam là các doanh nghiệp tham gia thị trường viễn thông tại Việt Nam có nghĩa vụ đóng góp vào Quỹ để đảm bảo phát triển hạ tầng và phổ cập dịch vụ tại các khu vực khó khăn (nơi các doanh nghiệp không muốn hoặc không đủ năng lực để phát triển hạ tầng và phổ cập dịch vụ). Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, để phù hợp với thực tế giấy phép được cấp (thường có thời hạn 10 năm) và thời gian tối đa mà doanh nghiệp triển khai hoàn thiện hệ thống để cung cấp dịch vụ khoảng 02 năm; Bộ TTTT đề xuất về mức miễn, giảm đóng góp vào Quỹ không có hạ tầng mạng mới tham gia thị trường; cụ thể:

(i) Miễn đóng góp vào Quỹ 02 (hai) năm kể từ ngày được cấp phép đối với các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng được cấp phép lần đầu.

(ii) Giảm 50% mức đóng góp trong 01 (một) năm tiếp theo kể từ ngày hết thời hạn miễn đối với các doanh nghiệp được miễn đóng góp theo quy định nêu trên.

(iii) Các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng được cấp phép lần đầu trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được áp dụng chính sách miễn, giảm đóng góp theo quy định tại Nghị định.

3.5. Việc quản lý, sử dụng Quỹ cho hoạt động viễn thông công ích

Hiện nay việc quản lý, sử dụng Quỹ cho hoạt động viễn thông công ích có một số nội dung được quy định ở các thông tư hướng dẫn thực hiện theo từng chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, một số nội dung áp dụng theo quy định chung không phù hợp nên gây khó khăn, lúng túng cho việc thực hiện.

Bộ TTTT đề xuất tổng hợp các quy định chung nhất đã được thực hiện ổn định qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích các thời kỳ, đồng thời vận dụng các quy định pháp luật hiện hành để quy định trong dự thảo Nghị định về việc quản lý, sử dụng Quỹ cho hoạt động viễn thông công ích. Cụ thể như sau:

- Quy định chi tiết mục đích sử dụng Quỹ để thực hiện hoạt động viễn thông công ích (Chi hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; Chi hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; Chi hỗ trợ thiết bị đầu cuối; Chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động viễn thông công ích theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn; Chi hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam).

- Quy định chi tiết việc sử dụng Quỹ cho hoạt động hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích: Nội dung chi phí được hỗ trợ, nguyên tắc xác định chi phí hỗ trợ, mức hỗ trợ theo các phương thức thực hiện hỗ trợ.

- Quy định chi tiết việc sử dụng Quỹ cho hoạt động hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối và các nhiệm vụ khác để thực hiện hoạt động viễn thông công ích.

- Quy định chi tiết về cơ chế tài chính để quản lý Quỹ cho các hoạt động viễn thông công ích: Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán, thực hiện dự toán, tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động viễn thông công ích.

3.6. Quy định về thời hạn hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để đảm bảo tính ổn định, liên tục của chính sách về viễn thông công ích thông qua các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Đặc thù của chính sách về viễn thông công ích là việc hỗ trợ từ Quỹ cho các đối tượng thường gắn với các đối tượng có điều kiện cụ thể (như: Hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ thuộc đối tượng chính sách xã hội; ...) hoặc các địa bàn, khu vực

khó khăn (khu vực biên giới; vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; vùng dân tộc thiểu số; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ...). Các đối tượng, địa bàn này được xác định theo từng năm/hoặc giai đoạn theo quy định của pháp luật chuyên ngành khác.

Trong việc thực hiện chính sách về viễn thông công ích giai đoạn vừa qua thông qua các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích chưa có quy định để đảm bảo tính ổn định, liên tục trong thực hiện chính sách về viễn thông công ích, dẫn tới trong quá trình thực hiện còn lúng túng, khó khăn, đồng thời phát sinh nhiều thủ tục để cố gắng không bị gián đoạn giữa các năm trong thời gian thực hiện chương trình hoặc giữa các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích khi thực hiện chính sách hỗ trợ cung cấp, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích mà vẫn chưa giải quyết được triệt để.

Tại khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông đã giao Chính phủ quy định chi tiết *“thời hạn hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích đảm bảo tính ổn định, liên tục thông qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích”*.

Để thực hiện quy định của Luật Viễn thông nêu trên, Bộ TTTT đề xuất quy định về thời hạn hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và thời hạn hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích để đảm bảo tính ổn định, liên tục giữa các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích như sau:

a) Thời hạn hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

- Đối với các trường hợp doanh nghiệp đầu tư phát triển mới hạ tầng để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại các khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập thông qua đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ được hỗ trợ 05 năm liên tục kể từ tháng tiếp theo tháng đưa công trình vào cung cấp dịch vụ. Trường hợp thời gian còn lại của Chương trình không đủ 05 năm thì thời gian chưa được hỗ trợ tiếp tục được bố trí kinh phí để chuyển tiếp sang thực hiện trong Chương trình giai đoạn tiếp theo với mức hỗ trợ đã áp dụng của Chương trình giai đoạn trước. Hết thời gian hỗ trợ 05 năm, doanh nghiệp tiếp tục được tiếp tục hỗ trợ chi phí duy trì (không hỗ trợ chi phí khấu hao tài sản cố định) tại các khu vực này cho đến hết thời gian thực hiện Chương trình của giai đoạn hiện tại.

- Đối với các trường hợp đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ: Thời gian hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông được đặt hàng tính từ thời điểm được hỗ trợ theo hợp đồng đặt hàng đến khi kết thúc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Doanh nghiệp viễn thông tiếp tục được hỗ trợ từ năm đầu tiên của Chương trình tiếp theo nếu vẫn thuộc đối tượng được hỗ trợ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tiếp theo.

b) Thời hạn hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

- Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập được hỗ trợ kể từ tháng được cung cấp dịch vụ cho đến hết năm dương lịch.

- Trường hợp năm tiếp theo, các đối tượng đang được hỗ trợ năm trước liên kế chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, được tiếp tục hỗ trợ không quá 03 tháng của năm tiếp theo.

- Trường hợp kết thúc Chương trình giai đoạn trước, các đối tượng đang được hỗ trợ của Chương trình khi được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, được tiếp tục duy trì hỗ trợ cho đến khi Chương trình giai đoạn mới thực hiện.

3.7. Các quy định về chuyển tiếp

Hiện nay, Bộ TTTT đang tổ chức triển khai thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021, thời gian thực hiện Chương trình này là đến hết năm 2025; trong đó, có một số nội dung chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn trong thời gian vừa qua còn nhiều vướng mắc, chỉ có thể thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành. Đồng thời, có một số nội dung chính sách đang tổ chức thực hiện, sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành sẽ có sự thay đổi về phân cấp trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ giữa các cấp. Để đảm bảo triển khai thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách viễn thông công ích và đảm bảo tính ổn định, tránh xáo trộn trong việc tổ chức thực hiện, Bộ TTTT đề xuất quy định về chuyển tiếp các nội dung sau:

a) Đối với các doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực được phổ cập dịch vụ viễn thông

Theo quy định tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg (Điểm b khoản 3 mục III Điều 1) thì đối với trường hợp này sẽ thực hiện phương thức đặt hàng doanh nghiệp. Tuy nhiên, như đã báo cáo, do không triển khai xây dựng được phương án giá cung cấp dịch vụ cho 01 thôn, nên đến nay mặc dù các doanh nghiệp đã triển khai đầu tư hạ tầng và cung cấp dịch vụ cho người dân, nhưng vẫn chưa thực hiện được việc hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp.

Để hỗ trợ một phần chi phí cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp và đảm bảo tính ổn định, Bộ TTTT đề xuất quy định chuyển tiếp đối với trường hợp này như sau: *“Đối với các doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực được phổ cập dịch vụ viễn thông phổ cập theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được áp dụng phương thức giao nhiệm vụ quy định tại Nghị định này và được hỗ trợ đủ 5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Hết thời hạn trên, doanh nghiệp được hỗ trợ theo phương thức đặt hàng nếu vẫn thuộc đối tượng của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tiếp theo”*. Theo đó, khi áp dụng quy định chuyển tiếp này, các doanh nghiệp sẽ tổ chức xây dựng dự toán, báo cáo Bộ TTTT phê duyệt và được thanh toán theo chi phí thực tế; trong đó, các khoản chi phí được hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

b) Tại điểm c khoản 5 Mục III Điều 1 Quyết định số 2269/QĐ-TTg quy định: *Giao kế hoạch cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong trường hợp không lựa chọn được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo phương thức đấu thầu, đặt hàng.* Việc quy định *giao kế hoạch* tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg được căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật Viễn thông năm 2009.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Viễn thông năm 2023, thì chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ngoài việc thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng, *giao nhiệm vụ*.

Để đảm bảo thống nhất trong triển khai thực hiện chính sách, Bộ TTTT đề xuất quy định chuyển tiếp đối với trường hợp này như sau: “*Phương thức giao kế hoạch trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được áp dụng phương thức giao nhiệm vụ quy định tại Nghị định này*”.

c) Đối với việc xác nhận đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập:

Để triển khai hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, Bộ TTTT đang quy định: *Căn cứ danh sách đối tượng đề xuất hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo báo cáo của doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam có trách nhiệm rà soát, xác nhận đối tượng được hỗ trợ để các doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện.* (Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

Để đảm bảo sự phối hợp của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại địa phương và đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ của các cơ quan chức năng tại địa phương, tại Nghị định đã quy định chuyển trách nhiệm xác nhận đối tượng được hỗ trợ về địa phương (khoản 4 Điều 8 Nghị định).

Để đảm bảo tính ổn định, tránh xáo trộn trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình trong năm 2024, Bộ TTTT đề xuất áp dụng khoản 4 Điều 8 quy định xác nhận đối tượng từ ngày 01/01/2025 (Thời điểm có danh sách đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo mới của năm 2025). Cụ thể: “*Đối với việc xác nhận đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này từ ngày 01 tháng 01 năm 2025*”.

V. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, DOANH NGHIỆP

Bộ TTTT đã nhận được ý kiến góp ý của 21 Bộ, ngành, cơ quan Trung ương; 55 địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Thông tin và Truyền thông) và 11 doanh nghiệp viễn thông.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp viễn thông, Bộ TTTT đã tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định. Nội dung

chi tiết Bộ Thông tin và Truyền thông xin trình bày trong Phụ lục báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định trình kèm (Phụ lục số 01).

VI. BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP:

(Sẽ bổ sung sau khi Bộ Tư pháp có báo cáo thẩm định)

VII. DỰ KIẾN NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Triển khai Nghị định sau khi được ban hành

a) Phổ biến các nội dung Nghị định sau khi được ban hành tới các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và các cơ quan, tổ chức có liên quan để chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng Nghị định.

b) Bám sát việc triển khai thực tế của các quy định, giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định.

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

d) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai các quy định của Nghị định.

đ) Việc triển khai thi hành Nghị định không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế.

2. Kinh phí đảm bảo thực hiện

a) Nguồn tài chính đảm bảo cho hoạt động viễn thông công ích được sử dụng từ nguồn đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích; huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Do đó, không phát sinh kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động viễn thông công ích. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đảm bảo cho hoạt động viễn thông công ích được thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý tài chính chung.

c) Đối với công tác quản lý nhà nước về hoạt động viễn thông công ích của cơ quan quản lý nhà nước các cấp được đảm bảo từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

VIII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ:

Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích là một Nghị định chuyên ngành, lần đầu tiên được nghiên cứu, xây dựng; các nội dung của Nghị định cần đáp ứng được đặc thù của lĩnh vực viễn thông, nhưng vẫn phải đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật của Nhà nước. Một số nội dung của Nghị định đã được xin ý kiến, trao đổi nhiều lần, tuy nhiên vẫn còn có ý kiến khác nhau, Bộ TTTT báo cáo và xin ý kiến Chính phủ về một số nội dung sau:

1. Về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập thông qua đấu thầu

Để giải quyết những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách về viễn thông công ích giai đoạn vừa qua, trên cơ sở các quy định mới của Luật Đấu thầu năm 2023 (hình thức hợp đồng theo kết quả đầu ra), Nghị định số 24/2024/NĐ-CP của Chính phủ (quy định trên cơ sở nguồn kinh phí mua sắm có sẵn, đơn vị có thể lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu), Bộ TTTT đã đề xuất nội dung quy định: Căn cứ dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông công ích; Bộ TTTT tổ chức lập, phê duyệt dự toán sơ bộ (không lập, phê duyệt dự toán chi tiết), kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện đấu thầu và áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đầu ra. Doanh nghiệp trúng thầu được thanh toán theo thực tế kết quả thực hiện theo báo cáo kết quả đầu ra.

Đây là nội dung chính sách mới được quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, vì vậy một số ý kiến đề nghị cần bổ sung quy định trường hợp không áp dụng hình thức hợp đồng khác (không phải hợp đồng theo kết quả đầu ra) thì đơn vị được giao phải đề xuất các biện pháp quản lý, đảm bảo tính khả thi và đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ quy định tại Nghị định.

Bộ TTTT xin ý kiến Chính phủ như sau: *“Trong trường hợp đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập trên cơ sở dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông công ích, dự toán sơ bộ sẽ quy định áp dụng hình thức hợp đồng để kiểm soát kết quả thực hiện theo một trong hai phương án sau:*

- (i) Phương án 1: Quy định áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đầu ra.*
- (ii) Phương án 2: Quy định áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đầu ra và bổ sung quy định trường hợp áp dụng hình thức hợp đồng khác, thì đơn vị được giao phải đề xuất các biện pháp quản lý, đảm bảo tính khả thi và đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ quy định tại Nghị định”.*

2. Về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo phương thức đặt hàng

Như đã báo cáo tại điểm 3.1.3 mục IV nêu trên, trong điều kiện không có quy định về việc lập phương án giá cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho 01 khu vực (thôn) và thực tế các doanh nghiệp không có đủ cơ sở, không lập được phương án giá; Bộ TTTT đã đề xuất trong trường hợp đặt hàng được căn cứ mức hỗ trợ (các doanh nghiệp không phải xây dựng phương án giá như quy định chung tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ). Trong đó, doanh nghiệp nhận đặt hàng được hỗ trợ theo mức hỗ trợ xác định như sau:

Mức hỗ trợ = Chi phí duy trì, vận hành (Theo định mức Bộ TTTT ban hành) - Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông tại thôn (theo thực tế doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn của Bộ TTTT).

Bộ TTTT xin ý kiến Chính phủ về nội dung: *“Trong trường hợp đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được căn cứ mức hỗ trợ (các doanh nghiệp không phải xây*

dụng phương án giá như quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ): Doanh nghiệp nhận đặt hàng được hỗ trợ theo mức hỗ trợ được xác định bằng chi phí duy trì vận hành theo định mức chi phí duy trì do Bộ TTTT ban hành trừ doanh thu cung cấp dịch vụ phát sinh tại khu vực”.

3. Về đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, hỗ trợ thiết bị đầu cuối

a) Khoản 3 Điều 30 Luật Viễn thông quy định về nguyên tắc thực hiện hoạt động viễn thông công ích; trong đó tại điểm b có quy định: “...; ưu tiên hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và thiết bị đầu cuối cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

b) Khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông giao Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động viễn thông công ích; trong đó, có hoạt động hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các đối tượng.

c) Qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về lĩnh vực Lao động – Thương binh – Xã hội, Bộ TTTT nhận thấy không có quy định về khái niệm “gia đình chính sách xã hội”; chỉ có quy định về đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ và quy định về người có công với cách mạng tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, đối với đối tượng bảo trợ xã hội, tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định các đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng là rất rộng, một số đối tượng không xác định được theo hộ gia đình hoặc có sự trùng lặp lớn về số đối tượng trong 01 hộ gia đình và không có cơ quan có thẩm quyền xác nhận hộ gia đình cho các đối tượng này.

d) Để quy định chi tiết đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, hỗ trợ thiết bị đầu cuối; tại dự thảo Nghị định, Bộ TTTT đang đề xuất phương án quy định như sau: “Đối tượng được hỗ trợ là hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có thành viên đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích hoặc hỗ trợ thiết bị đầu cuối trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Bộ TTTT xin ý kiến Chính phủ về nội dung: “Quy định cụ thể “gia đình chính sách xã hội” tại Luật Viễn thông là “gia đình có thành viên đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng” tại Nghị định”.

4. Về thẩm quyền ban hành định mức chi phí khấu hao, chi phí duy trì vận hành công trình hạ tầng

Bộ Tư pháp có ý kiến về thẩm quyền ban hành các định mức chi phí là do Bộ Tài chính thực hiện để phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN.

Theo quy định của Luật viễn thông, nguồn tài chính để hỗ trợ động viên viễn thông công ích là từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, do các doanh

nghiệp viên thông đóng góp, không do ngân sách nhà nước cấp phát; mặt khác, tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP (điểm b khoản 1 Điều 26) đã quy định trách nhiệm của các bộ “*Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công*”. Trên thực tế, thời gian qua, trong Chương trình cung cấp dịch vụ viên thông công ích, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ TTTT quyết định mức hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viên thông công ích cho các đối tượng.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ TTTT xin ý kiến Chính phủ hai phương án:

(i) *Phương án 1*: Bộ TTTT ban hành các định mức chi phí và mức hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viên thông công ích, mức hỗ trợ các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viên thông công ích;

(ii) *Phương án 2*: Bộ Tài chính ban hành các định mức chi phí và mức hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viên thông công ích, mức hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viên thông công ích.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viên thông về hoạt động viên thông công ích, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Tài liệu trình kèm theo:

(1) *Dự thảo Nghị định;*

(2) *Phụ lục tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản (Phụ lục tổng hợp theo nhóm vấn đề và phụ lục chi tiết);*

(3) *Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với Nghị định;*

(4) *Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới Nghị định.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg Trần Lưu Quang (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ TTTT;
- Vụ Pháp chế;
- Cục Viên thông;
- Quỹ Dịch vụ VTCI Việt Nam
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Huy Dũng

PHỤ LỤC BÁO CÁO

TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT VIỄN
THÔNG VỀ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTTTT ngày /6/2024
của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) đã lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức; lấy ý kiến rộng rãi nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ TTTT về dự thảo Nghị định. Sau đây là tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến của Bộ TTTT:

1. Nhóm ý kiến về sự tuân thủ của các quy định về phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu thực hiện hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối với các quy định pháp luật.

Trong nhóm nội dung này, có các ý kiến sau:

Tóm tắt ý kiến 1: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định về đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích phải tuân thủ, tránh chồng chéo với quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ý kiến giải trình:

Tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến các đơn vị, đối với phương thức đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Bộ TTTT chỉ quy định về điều kiện thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (Điều 5). Trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định, quy định rõ trình tự thực hiện khi hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức đấu thầu; tuân thủ đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2023 và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nhưng có quy định rõ thêm một số nội dung về quy trình thực hiện và quy định nội dung đảm bảo phù hợp với đặc thù đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, bao gồm:

(i) Cụ thể hóa nội dung quy định về “Dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông công ích”: Áp dụng quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2023 và điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

(ii) Quy định nội dung về “Dự toán sơ bộ”: Áp dụng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Luật Đấu thầu năm 2023 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để lập, thẩm định và phê duyệt dự toán.

(iii) Nội dung về “Hợp đồng theo kết quả đầu ra”: Áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 64 Luật Đấu thầu năm 2023 và khoản 6 Điều 112 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Tóm tắt ý kiến 2: Đối với các nội dung về hoạt động đặt hàng, giao nhiệm vụ, đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu, rà soát nội dung về hoạt động đặt hàng, giao nhiệm vụ trong dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên.

Ý kiến giải trình:

Phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP là quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Luật Viễn thông, kinh phí cho hoạt động viễn thông công ích được đảm bảo từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, là nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách. Do vậy, hoạt động đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối trong dự thảo Nghị định cần có quy định riêng, phù hợp với đặc thù lĩnh vực này, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi thực hiện Nghị định 32/2019/NĐ-CP thời gian qua.

Tuy nhiên, khi xây dựng các quy định về phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối trong dự thảo Nghị định, Bộ TTTT đã nghiên cứu, rà soát và vận dụng các quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP để áp dụng. Ngoài ra, Bộ TTTT cân nhắc một số đặc thù trong hoạt động viễn thông công ích và điều chỉnh một số nội dung so với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP để đảm bảo tính khả thi. Cụ thể:

+ Việc đặt hàng doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích: Thực hiện đặt hàng trên cơ sở mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Bộ TTTT ban hành, doanh nghiệp không lập phương án giá cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho một khu vực. Điều chỉnh này do đặc thù của lĩnh vực viễn thông là mạng lưới viễn thông kết nối với nhau trên toàn quốc, không phân biệt theo địa giới nên các doanh nghiệp không xây dựng được giá cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho từng khu vực (01 thôn), đặc thù địa lý, địa hình mỗi thôn khác nhau và chiều dài tuyến truyền dẫn kết nối từ mạng truyền dẫn đến mỗi thôn khác nhau nên đơn giá của mỗi thôn sẽ khác nhau, rất phức tạp khi xác định phạm vi, nội dung phát sinh chi phí. Trên thực tế vừa qua không thực hiện được.

+ Việc đặt hàng doanh nghiệp viễn thông hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích: Vận dụng theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, thực hiện đặt hàng trên cơ sở giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do Bộ TTTT ban hành.

+ Việc giao nhiệm vụ ở dự thảo Nghị định này thực hiện đối với doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được quy định phù hợp với Nghị định 32/2019/NĐ-CP.

2. Nhóm ý kiến về xác định các chi phí hỗ trợ, cách xây dựng các định mức chi phí và mức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

Tóm tắt ý kiến 1: Đề nghị bổ sung thêm một số loại chi phí trong chi phí duy trì, vận hành công trình hạ tầng (chi phí nhiên liệu, chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí sửa chữa lớn, chi phí thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, ...); đề nghị bỏ quy định về “lợi nhuận dự kiến” trong xác định chi phí hỗ trợ.

Ý kiến giải trình:

Theo dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được hỗ trợ: Chi phí khấu hao tài sản cố định công trình hạ tầng; Chi phí duy trì công trình hạ tầng (gồm chi phí điện năng, thuê địa điểm lắp đặt, thuê dịch vụ hạ tầng để cung cấp dịch vụ; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa lớn công trình hạ tầng) và lợi nhuận dự kiến.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Luật Viễn thông, việc hỗ trợ là để bù đắp chi phí cho doanh nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; Trên cơ sở rà soát thực tế và tiếp thu ý kiến của các địa phương, các doanh nghiệp, Điều 17 dự thảo Nghị định mới đã bỏ quy định về lợi nhuận dự kiến và xác định hỗ trợ cho doanh nghiệp các loại chi phí sau:

- (i) Chi phí khấu hao tài sản cố định công trình hạ tầng;
- (ii) Chi phí duy trì công trình hạ tầng, gồm: Chi phí điện, nhiên liệu, năng lượng, nhân công, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên; chi phí thuê địa điểm lắp đặt và các chi phí liên quan khác.

Tóm tắt ý kiến 2: Việc quy định Bộ TTTT ban hành các định mức chi phí có thể có thể chưa phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, vì theo khoản 6 Điều 29 Luật Ngân sách nhà nước, các Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

Ý kiến giải trình:

Theo khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, các Bộ có trách nhiệm ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí trong quản lý cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Nên việc quy định Bộ TTTT ban hành định mức chi phí khấu hao công trình hạ tầng, định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập để thực hiện quản lý hoạt động viễn thông công ích là phù hợp.

Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích do các doanh nghiệp viễn thông đóng góp, không phải do NSNN cấp phát. Trường hợp, cần thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Bộ TTTT xin kiến nghị Chính phủ để Bộ Tài chính ban hành các định mức chi phí này.

Tóm tắt ý kiến 3: Đề nghị Bộ TTTT xây dựng và ban hành các định mức chi phí như sau: (i) Định mức chi phí khấu hao xác định trên cơ sở giá trị dự toán công trình hạ tầng đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông và chế độ quản lý, tính khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành; trong đó: Áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng và thời gian khấu hao là 5 năm;"; (ii) Định mức chi phí duy

trì, vận hành công trình hạ tầng trên cơ sở số liệu năm trước năm đầu thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của ít nhất 02 doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ có quy mô lớn nhất tại khu vực khó khăn tương tự được phổ cập dịch vụ viễn thông.

Ý kiến giải trình:

Tại Khoản 2 Điều 19 dự thảo ND (gửi xin ý kiến) đã quy định Bộ TTTT ban hành:

(i) Định mức chi phí khấu hao xác định trên cơ sở giá trị dự toán công trình hạ tầng đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập và chế độ quản lý, tính khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành, trong đó áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng và thời gian sử dụng tài sản là thời gian trung bình trong khung thời gian tối đa và thời gian tối thiểu sử dụng tài sản cố định;

(ii) Định mức chi phí duy trì, vận hành công trình hạ tầng trên cơ sở số liệu năm trước năm đầu thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của ít nhất 02 doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ có quy mô lớn nhất tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

Bộ TTTT đã nghiên cứu, rà soát và để đảm bảo tính khả thi trong việc xây dựng và ban hành các định mức chi phí, cách xác định các định mức chi phí được điều chỉnh trong dự thảo Nghị định mới như sau:

(i) Định mức chi phí khấu hao công trình hạ tầng được xác định theo giá trị dự toán công trình hạ tầng theo thiết kế tiêu chuẩn (do Bộ TTTT công bố) và chế độ quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản của doanh nghiệp. Trong đó áp dụng thời gian trích khấu hao là thời gian trung bình giữa thời gian trích khấu hao tối đa và thời gian trích khấu hao tối thiểu tài sản cố định, áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Đây là định mức tối đa về hỗ trợ chi phí khấu hao.

(ii) Định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng được cấu thành từ các khoản chi phí nhân công, điện năng, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cho công trình hạ tầng theo thiết kế tiêu chuẩn (do Bộ TTTT công bố) và quy trình duy trì, vận hành, khai thác công trình hạ tầng (Bộ TTTT ban hành).

Trong quá trình xây dựng các định mức chi phí, Bộ TTTT sẽ khảo sát, số liệu thực tế của các doanh nghiệp tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo đề xuất của doanh nghiệp để đảm bảo tính hiệu quả, khả thi.

Tóm tắt ý kiến 4: Đề nghị mức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích khoản chi phí khấu hao tài sản cố định công trình hạ tầng bằng định mức chi phí do Bộ TTTT ban hành.

Ý kiến giải trình:

Hiện, dự thảo Nghị định quy định phương thức đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích với hình thức hợp đồng theo kết quả đầu ra (theo thực tế). Theo quy định tại khoản 6 Điều 64, việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện được nghiệm thu về chất lượng, số lượng đầu ra. Chính sách hỗ trợ là bù đắp chi phí, do vậy, kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp không thể theo định mức tối đa do Bộ TTTT ban hành mà phải theo báo cáo thực tế kết quả đầu ra về chi phí khấu hao, nhưng không vượt định mức chi phí khấu hao tài

sản cố định công trình hạ tầng do Bộ TTTT ban hành để đảm bảo giới hạn hi phí hỗ trợ không vượt yêu cầu phổ cập dịch vụ của nhà nước.

3. Nhóm ý kiến về các quy định về giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Tóm tắt ý kiến 1: Đề nghị quy định rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

Ý kiến giải trình:

Trên cơ sở rà soát các quy định tại Luật Viễn thông, Luật Giá, Bộ TTTT đã tiếp thu và quy định rõ trong dự thảo Nghị định cơ quan có thẩm quyền ban hành giá dịch vụ viễn thông công ích là Bộ TTTT; mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích đang quy định là Bộ TTTT (tại Điều 8 dự thảo Nghị định).

Tóm tắt ý kiến 2: Đề nghị mức hỗ trợ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành có thời gian áp dụng cho cả giai đoạn triển khai chương trình là 05 năm.

Ý kiến giải trình:

Tiếp thu ý kiến này, Bộ TTTT đã điều chỉnh và hoàn thiện quy định tại khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định: "Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo mức hỗ trợ do Bộ TTTT ban hành theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và được áp dụng ổn định trong cả thời gian thực hiện Chương trình. Trường hợp nhà nước thay đổi giá dịch vụ viễn thông công ích hoặc có sự biến động lớn về nhu cầu sử dụng dịch vụ, thay đổi về yêu cầu chất lượng dịch vụ, Bộ TTTT xem xét, điều chỉnh mức hỗ trợ trên cơ sở đảm bảo cân đối nguồn kinh phí của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích".

4. Ý kiến về điều kiện hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ (sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối)

Tóm tắt ý kiến: Đề nghị bổ sung các quy định ràng buộc để đảm bảo đối tượng sử dụng số tiền hỗ trợ đúng mục đích của chương trình như mua thiết bị đầu cuối hay sử dụng dịch vụ viễn thông công ích khi thực hiện theo phương thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ, đồng thời làm rõ tài khoản để tiếp nhận kinh phí là tài khoản như thế nào.

Ý kiến giải trình:

Bộ TTTT đã rà soát và bổ sung yêu cầu về điều kiện kỹ thuật tại điểm c khoản 2 Điều 10 và khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định. Theo đó, chỉ thực hiện phương thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ khi điều kiện kỹ thuật cho phép để kinh phí hỗ trợ được đối tượng sử dụng đúng mục đích.

Tuy nhiên, trong dự thảo Nghị định chưa quy định được các điều kiện kỹ thuật cụ thể, cũng như yêu cầu về tài khoản tiếp nhận tiền hỗ trợ của đối tượng được hỗ trợ. Các điều kiện kỹ thuật này sẽ được Bộ TTTT hướng dẫn theo chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ hỗ trợ cụ thể trong chương trình.

5. Ý kiến về quy định đảm bảo tính ổn định, liên tục trong việc hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Tóm tắt ý kiến: Đề nghị dự thảo Nghị định bổ sung hướng dẫn cụ thể để đảm bảo tính ổn định, liên tục trong việc hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Ý kiến giải trình:

Trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông, tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Bộ TTTT đã rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định để đảm bảo tính ổn định, liên tục trong việc hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại Điều 21, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 22.

6. Ý kiến về mức đóng góp tối đa của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, đối tượng được miễn, giảm đóng góp vào Quỹ

Tóm tắt ý kiến 1: Đề nghị làm rõ cơ sở xác định mức đóng góp 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông; đề nghị giảm mức đóng góp này.

Ý kiến giải trình:

Trên cơ sở dự báo doanh thu của các doanh nghiệp viễn thông và dự báo về nhu cầu kinh phí cho hoạt động viễn thông công ích, căn cứ tình hình phát triển kinh tế, xã hội, phát triển của thị trường và công nghệ viễn thông, Bộ TTTT đề xuất quy định mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tối đa là 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông. Quy định này để các doanh nghiệp tham gia thị trường xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp.

Trên cơ sở quy định về mức đóng góp tối đa này, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức đóng góp cụ thể của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam trong chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn; đồng thời có quy định căn cứ theo thực tế kế hoạch và tiến độ giải ngân của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để quyết định thời điểm bắt đầu thu và thời điểm dừng thu đóng góp của doanh nghiệp.

Do vậy, Bộ TTTT giữ nguyên đề xuất mức đóng góp tối đa như trong dự thảo Nghị định.

Tóm tắt ý kiến 2: Thời gian miễn, giảm đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông trong dự thảo Nghị định dài và chưa phù hợp.

Ý kiến giải trình:

Dự thảo Nghị định quy định thời gian miễn đóng góp là 04 năm, thời gian giảm đóng góp là 05 năm.

Tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Bộ TTTT đã điều chỉnh các nội dung này như sau: Thời gian miễn đóng góp là 02 năm, thời giảm đóng góp là 01 năm.

7. Ý kiến về các quy định tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích

Tóm tắt ý kiến: Đề nghị Bộ TTTT quy định rõ thời gian thực hiện cụ thể đối với việc thực hiện tại các công đoạn (lập dự toán, phê duyệt dự toán, báo cáo, thẩm định, phê duyệt quyết toán; Đề nghị làm rõ về thời hạn tạm ứng, mức tạm ứng là theo giá trị dự toán hay giá trị hợp đồng, thời hạn quyết toán các nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối.

Ý kiến giải trình:

Bộ TTTT đã rà soát, sửa đổi, bổ sung một số quy định thời gian liên quan đến các công đoạn (lập dự toán, nghiệm thu, thanh toán, lập báo cáo quyết toán, phê duyệt quyết toán trong dự thảo Nghị định mới (khoản 2 Điều 28, khoản 3, khoản 4 Điều 30, Điều 31) để rõ ràng và thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.

Bộ TTTT đã rà soát, sửa đổi nội dung quy định về tạm ứng tại khoản 2 Điều 30 dự thảo ND mới. Trong đó, quy định số lần tạm ứng, mức tạm ứng với từng loại hợp đồng hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối. Tại khoản này đã quy định rõ giá trị tạm ứng là theo giá trị của hợp đồng trong năm, được hiểu là giá trị hợp đồng của năm thực hiện tạm ứng, không phải giá trị toàn bộ hợp đồng đã ký. Đối với tạm ứng lần 2, khoản 2 Điều 30 đã bổ sung thời điểm tạm ứng lần 2, nhưng phải dựa trên nguyên tắc thanh toán thu hồi tạm ứng của kỳ trước, đây là nguyên tắc chung về tài chính cần phải tuân thủ.

Về đề nghị quy định cụ thể thời hạn quyết toán các nhiệm vụ của Chương trình (hàng năm và cả Chương trình), Bộ TTTT nhận thấy không cần thiết quy định cụ thể tại dự thảo (chỉ quy định thời hạn lập báo cáo quyết toán của Quỹ).

8. Ý kiến liên quan đến trách nhiệm của địa phương

Tóm tắt ý kiến 1: Đề nghị điều chỉnh trách nhiệm của địa phương trong dự thảo Nghị định (bổ sung trách nhiệm cho địa phương trong việc phê duyệt danh sách đăng ký, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích với các doanh nghiệp gửi Bộ TTTT công bố; đề nghị bỏ trách nhiệm của địa phương trong việc đề xuất phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Ý kiến giải trình:

Bộ TTTT đã rà soát trách nhiệm của địa phương trong việc thực hiện hoạt động viễn thông công ích theo quy định tại Luật Viễn thông và thực tế sự tham gia của địa phương trong thực hiện các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Trên cơ sở đó, Bộ TTTT đã điều chỉnh tại khoản 2 Điều 32 dự thảo Nghị định về trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, địa phương. Trong đó đã bổ sung trách nhiệm của địa phương trong việc phê duyệt, xác nhận danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích (khoản 4 Điều 8 dự thảo nghị định), lập danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối (khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 13); đồng thời bỏ

trách nhiệm của địa phương trong việc đề xuất phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Tóm tắt ý kiến 2: Đề nghị bổ sung thêm quy định về kinh phí giao cho các địa phương để thực hiện công tác rà soát, xác nhận các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối; kinh phí thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động viễn thông công ích tại địa phương.

Ý kiến giải trình:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật Viễn thông, nguồn Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ sử dụng dịch vụ, hỗ trợ thiết bị đầu cuối nên dự thảo Nghị định không quy định sử dụng Quỹ cho các địa phương để thực hiện công tác rà soát, xác nhận các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối. Đây là nhiệm vụ quản lý nhà nước; kinh phí thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động viễn thông công ích tại địa phương được đảm bảo từ ngân sách. Mặt khác, theo điểm d khoản 3 Điều 31 chỉ quản lý hoạt động viễn thông công ích từ nguồn Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam chỉ chi cho các nội dung công việc giao cho Quỹ thực hiện.

Do vậy, Bộ TTTT đề nghị các địa phương tham gia thực hiện các hoạt động về viễn thông công ích với vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương và bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương cho các hoạt động này./.

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2024

ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ
ĐIỀU CỦA LUẬT VIỄN THÔNG VỀ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTTTT ngày /6/2024
của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 và được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 11/2023/L-CTN ngày 01 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Tại Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6. Theo đó, Bộ Thông tin và Truyền thông được giao chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020), Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 hướng dẫn về đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích với các nội dung cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

Hoạt động viễn thông công ích đã được luật hoá từ năm 2002 (tại Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông số 43/2002/PL-UBTVQH10 và Luật Viễn thông số 41/2009/QH12), được triển khai liên tục từ năm 2006 đến nay thông qua các Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Mục đích chính sách viễn thông công ích nhằm rút ngắn khoảng cách số giữa các vùng miền/đối tượng, hỗ trợ người dân tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ viễn thông công ích. Mặc dù được thực hiện từ năm 2006, việc triển khai hoạt động viễn thông công ích còn nhiều bất cập: chưa có chính sách phù hợp để hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông; hiện nay trên cả nước còn nhiều vùng lõm sóng, chưa có dịch vụ viễn thông nên người dân tại đây chưa có cơ hội sử dụng dịch vụ viễn thông; một số đối tượng được hỗ trợ (gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách

đặc biệt khác) chưa được làm rõ nội hàm; giai đoạn dịch Covid-19 vừa qua, nhiều doanh nghiệp viễn thông, theo lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông, đã đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông tại các vùng lõm sóng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ viễn thông nhưng chưa được hỗ trợ nên cần có văn bản hướng dẫn.

Nhằm tháo gỡ các khó khăn nêu trên, Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đã được bổ sung, chỉnh sửa nhiều nội dung về hoạt động viễn thông công ích (tại các Điều 30, Điều 31, và Điều 32). Trong đó có các nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục hành chính trong hoạt động viễn thông công ích. Tại Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định).

Bên cạnh việc kế thừa các thủ tục hành chính hiện hành đang được các tổ chức, cá nhân thực hiện thông suốt trong thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng rà soát, sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình khi tham gia các thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông công ích, góp phần giảm bớt thời gian công sức, tăng tính minh bạch hiệu quả của các thủ tục này. Điều này hạn chế tối đa việc thay đổi các quy định về thủ tục hành chính sau khi Nghị định này được ban hành, vừa tạo cơ sở pháp lý cho việc tiếp tục thực hiện, bảo đảm tính kế thừa, tính ổn định thống nhất của các quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình khi tham gia các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động viễn thông công ích.

Dự thảo Nghị định có 03 thủ tục hành chính được bổ sung, sửa đổi so và được quy định chi tiết so với quy định pháp luật về viễn thông công ích hiện hành, cụ thể như sau:

1. Về các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Thực hiện mục tiêu của cải cách thủ tục hành chính là tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân khi tham gia hoạt động viễn thông công ích, do đó dự thảo Nghị định hạn chế việc sửa đổi, bổ sung thêm các thủ tục hành chính mà cơ bản tiếp tục kế thừa tiếp tục quy định các thủ tục đang phù hợp với thực tế và không có vướng mắc vào trong dự thảo. Điều này hạn chế tối đa việc thay đổi các quy định về thủ tục hành chính sau khi Nghị định này được ban hành, vừa tạo cơ sở pháp lý cho việc tiếp tục thực hiện, bảo đảm tính kế thừa, tính ổn định thống nhất của các quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân khi tham gia các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động viễn thông công ích.

Qua rà soát dự thảo Nghị định cho thấy, có 01 thủ tục hành chính đang được thực hiện theo pháp luật hiện hành nay đưa vào dự thảo, cụ thể như sau: (1) Thủ tục hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

2. Về thủ tục quy định chi tiết do Luật giao

Cơ sở ban hành thủ tục: Tại khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông năm 2023 quy định: (2) Chính phủ quy định chi tiết hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; và (3) hỗ trợ thiết bị đầu cuối bằng tiền hoặc hiện vật trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ.

Như vậy, việc ban hành thủ tục hành chính đối với thủ tục này là căn cứ vào nhiệm vụ Luật giao, bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Nghị định này về cơ bản là kế thừa, chuẩn hoá các thủ tục đang được thực hiện trên thực tế, không có vướng mắc và đều là những thủ tục hết sức cần thiết nhằm bảo đảm việc triển khai và quản lý nhà nước đối với hoạt động viễn thông công ích.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Sự cần thiết của thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định

Hoạt động viễn thông công ích là một chính sách xã hội quan trọng của Nhà nước nhằm rút ngắn khoảng cách số giữa các vùng miền, giữa các đối tượng, hỗ trợ người dân tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ viễn thông công ích qua đó thúc đẩy việc phát triển kinh tế xã hội. Luật Viễn thông hiện hành cũng như Luật Viễn thông mới được ban hành năm 2023 (thay thế cho Luật Viễn thông năm 2009) đã có các quy định về thủ tục hành chính trong hoạt động viễn thông công ích. Các thủ tục này nhằm góp phần tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong hoạt động cung cấp và sử dụng viễn thông công ích, giúp đẩy mạnh việc đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông tại các vùng sâu vùng xa, biên giới hải đảo. Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính được đưa vào dự thảo Nghị định này cũng là một trong những hình thức tạo cơ sở pháp lý quan trọng, khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong thời gian qua, giúp cho Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông tại địa phương, và các cơ quan nhà nước khác thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động viễn thông công ích.

Các thủ tục hành chính hầu hết được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện (khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông mới, năm 2023). Do đó, việc rà soát, nghiên cứu, sửa đổi bổ sung các thủ tục hành chính để bảo đảm phù hợp với các pháp luật liên quan; đồng thời rà soát để bổ sung quy định đầy đủ cấu thành của một thủ tục hành chính và bảo đảm cơ chế thực hiện công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ gia đình, doanh nghiệp, tổ chức khi thực hiện; đồng thời đây cũng là công cụ để nhà nước tăng cường quản lý, theo dõi đối với hoạt động viễn thông công ích.

2. Tính hợp pháp của thủ tục hành chính

Tính hợp pháp của thủ tục hành chính được thể hiện tại 03 nội dung sau đây:

(1) Thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Nghị định tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi năm 2020.

Tại khoản 4 Điều 4 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2014 (đã được sửa đổi bổ sung tại Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020) đã quy định thủ tục hành chính không được phép quy định tại các văn bản như Thông tư, Quyết định...Do đó, tại dự thảo Nghị định lần này tuân thủ nguyên tắc tất cả các thủ tục hành chính chỉ được quy định căn cứ vào quy định Luật giao Chính phủ quy định chi tiết cụ thể về trình tự, thủ tục, bảo đảm tuân thủ đúng về thẩm quyền ban hành.

(2) Thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Nghị định bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật

Trên cơ sở rà soát, đánh giá việc thực hiện các thủ tục hành chính trong hoạt động viễn thông công ích, dự thảo đã quy định rõ ràng, cụ thể về các thủ tục này. Đối với các trường hợp do có nhiều bước thực hiện và có liên quan đến thủ tục do pháp luật khác quy định thì dự thảo Nghị định có dẫn chiếu rõ ràng thực hiện theo pháp luật liên quan.

Mặt khác, thực hiện chính sách về cải cách thủ tục hành, đơn giản hóa giấy tờ đối với các hộ gia đình khi tham gia sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa các quy định hiện hành về việc các cá nhân, hộ gia đình nhân khi thực hiện thủ tục hành chính đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho các giấy tờ liên quan đến nhân thân như căn cước công dân, chứng minh nhân dân,...Quy định này bảo đảm tính thống nhất giữa quy định pháp luật về hoạt động viễn thông công ích với các pháp luật có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông công ích.

(3) Thủ tục hành chính quy định trong dự thảo bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Qua rà soát cho thấy, các thủ tục trong hoạt động viễn thông công ích phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (quy định về hoạt động viễn thông công ích trong WTO năm 2006 và Hiệp định thương mại Việt-Mỹ). Bên cạnh đó, hầu hết các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Nghị định là các quy định đã được Nhà nước ban hành và đang được áp dụng hiện hành.

Từ các đánh giá trên cho thấy, các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Nghị định hoàn toàn bảo đảm tính hợp pháp.

3. Tính hợp lý của thủ tục hành chính

Các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Nghị định được nghiên cứu nhằm đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các thủ tục hành chính liên quan như các

thủ tục đã được quy định trong Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Luật Giá, Luật Đầu tư công,... Trường hợp thủ tục có liên quan đến các quy định khác thì dự thảo Nghị định quy định dẫn chiếu sang các pháp luật liên quan để tránh tình trạng chồng chéo và phân định được rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong thực hiện (ví dụ như các trình tự, thủ tục liên quan đến các giai đoạn đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đều dẫn chiếu thực hiện theo pháp luật về đấu thầu và các pháp luật có liên quan).

Trong dự thảo Nghị định, các thủ tục hành chính đều thuộc nhóm thủ tục liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ hộ gia đình sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và hỗ trợ thiết bị đầu cuối.

Hầu hết các thủ tục quy định tại dự thảo Nghị định là tiếp tục kế thừa các thủ tục hiện hành. Các thủ tục này bảo đảm tính hợp lý trên phương diện 03 nội dung sau:

(1) Về tên thủ tục hành chính:

Về cơ bản, các thủ tục do được tiếp tục kế thừa các thủ tục hiện hành nên đã bảo đảm tính hợp lý của tên thủ tục. Thứ nhất là: tên thủ tục được xác định rõ ràng, đều đang được quy định cụ thể tại Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 và Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, đã được công bố công khai trên Cổng thông tin Quốc gia về thủ tục hành chính. Tên của thủ tục chỉ rõ hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia lĩnh vực cụ thể, ví dụ như: thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông công ích,...

(2) Về đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Các thủ tục hành chính đều được quy định rõ đối tượng thực hiện, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích (ví dụ như thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thì đối tượng là các hộ gia đình đủ điều kiện và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trạm y tế xã; thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông hàng hải thì đối tượng là các chủ tàu cá/tổ chức có giấy phép đánh bắt hải sản trên biển; thủ tục đăng ký hỗ trợ các hộ gia đình, tổ chức sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thì đối tượng là các doanh nghiệp viễn thông,...

(3) Về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định đều quy định rõ về thẩm quyền cơ quan giải quyết thủ tục hành chính hoặc giao UBND cấp tỉnh tổ chức xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích. Trên cơ sở các thủ tục đều đang được quy định rõ ràng cụ thể về cơ quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính là cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương (Sở Thông tin và Truyền thông), cơ

quan quản lý nhà nước tại Trung ương (Bộ Thông tin và Truyền thông)...Việc quy định cụ thể, rõ ràng cơ quan giải quyết thủ tục hành chính giúp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính dễ dàng liên hệ tới đúng cơ quan giải quyết, bảo đảm tính công khai, minh bạch của thủ tục.

Như vậy, có thể nói các thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định là bảo đảm tính hợp lý và phù hợp với thực tế hiện nay.

4. Về đánh giá chi phí thực hiện thủ tục hành chính

Căn cứ quy định về đánh giá thủ tục hành chính tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP thì phải có đánh giá mức chi phí cho các thủ tục hành chính. Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện đánh giá về chi phí thực hiện các thủ tục hành chính *(có kèm theo biểu mẫu đánh giá chi phí từng thủ tục theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BXD của Bộ Tư pháp)*. Theo đó, có 01 thủ tục hành chính thực hiện có chi phí tăng so với hiện tại do thực hiện việc giao quyền lại cho địa phương thực hiện việc xác nhận các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích. Thực tế, khoản chi tăng này trước đây đã thực hiện (từ năm 2022 trở về trước).

Các thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định hầu hết đều là kế thừa từ quy định của Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 và Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 và đang được áp dụng thực hiện không có vướng mắc, dự thảo Nghị định chỉ chỉnh sửa, bổ sung cho đầy đủ và rõ ràng về các nội dung như thời gian thực hiện, cách thức thực hiện. Đây đều là những thủ tục hết sức cần thiết nhằm bảo đảm sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động viễn thông công ích.

Trên đây là báo cáo đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích, Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

CHÍNH PHỦ
Số: /2024/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO
19.6.2024

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích đã được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Luật Viễn thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động viễn thông công ích theo quy định của Luật Viễn thông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Đối tượng được hỗ trợ* là hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có thành viên đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, hỗ trợ thiết bị đầu cuối trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2. *Giao nhiệm vụ* trong hoạt động viễn thông công ích là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp viễn thông thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hoặc thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các đối tượng được hỗ trợ với các điều kiện, yêu cầu cụ thể.

3. *Đặt hàng* trong hoạt động viễn thông công ích là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định doanh nghiệp viễn thông thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hoặc thực hiện hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng được hỗ trợ với các điều kiện, yêu cầu cụ thể.

4. *Đấu thầu* trong hoạt động viễn thông công ích là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, cung cấp thiết bị đầu cuối trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

5. *Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ* là việc nhà nước thực hiện chuyển tiền hỗ trợ vào tài khoản của đối tượng được hỗ trợ với các điều kiện và yêu cầu cụ thể.

6. *Mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích* là khoản kinh phí doanh nghiệp viễn thông được nhận từ chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thông qua các phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

7. *Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích* là khoản kinh phí Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hỗ trợ cho các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, dịch vụ viễn thông bắt buộc do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

8. *Khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập* là các thôn, bản, làng, phum, sóc, buôn, bon (gọi tắt là thôn), đảo, xã đảo, huyện đảo, nhà giàn trên biển ở các khu vực quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Luật viễn thông.

9. *Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích* là chương trình hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích do Thủ tướng Chính phủ quyết định phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ.

10. *Dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông công ích* là nguồn kinh phí thuộc chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để thực hiện đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

11. *Dự toán sơ bộ* là số kinh phí ước tính để thực hiện đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thuộc phạm vi dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông công ích được duyệt.

12. *Công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập* là công trình viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

13. *Thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập* là thiết kế do Bộ Thông tin và Truyền thông lập, công bố và được sử dụng làm cơ sở xây dựng định mức chi phí khấu hao và định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

Chương II

HỖ TRỢ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH; HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

Mục 1

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 4. Đối tượng, điều kiện chung và căn cứ thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích khi thực hiện các hoạt động:

a) Phát triển, nâng cấp công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;

b) Duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;

2. Điều kiện chung thực hiện các phương thức cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Dịch vụ viễn thông đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ hoặc dịch vụ viễn thông đã được doanh nghiệp tự công bố chất lượng theo tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng đối với các dịch vụ viễn thông không thuộc danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được cơ quyền thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng tương ứng với dịch vụ viễn thông phổ cập tham gia cung cấp;

c) Các điều kiện do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3. Căn cứ thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, phương thức thực hiện của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Danh mục dịch vụ viễn thông công ích; khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Thời hạn doanh nghiệp được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại Nghị định này;

d) Kế hoạch, dự toán hoặc dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông công ích được giao để cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt;

đ) Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp tự công bố chất lượng theo tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng đối với các dịch vụ viễn thông không thuộc danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng;

e) Thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố;

g) Các căn cứ khác được quy định trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (nếu có).

Điều 5. Đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập

1. Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức lập kế hoạch và dự toán mua sắm dịch vụ viễn thông công ích thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2. Căn cứ dự toán mua sắm được giao theo quy định khoản 1 Điều này, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lập, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt dự toán sơ bộ. Dự toán sơ bộ được lập căn cứ vào một trong các căn cứ sau:

a) Báo giá của ít nhất một doanh nghiệp theo cấu trúc báo giá do bên mời thầu quy định;

b) Mức hỗ trợ doanh nghiệp theo thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập xác định theo quy định tại Điều 17 Nghị định này;

c) Số liệu của các công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đã được thực hiện trong vùng trước đó;

d) Kết hợp các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản này.

3. Căn cứ dự toán sơ bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc đồng thời với quá trình lập dự toán sơ bộ, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trong đó, hợp đồng áp dụng hình thức hợp đồng theo kết quả đấu ra. Trường hợp áp dụng các hợp đồng khác trong đề xuất phải đề ra các biện pháp quản lý, đảm bảo tính khả thi và đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

4. Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổ chức đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 6. Đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Điều kiện đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;

b) Nhà nước đã ban hành mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đối với doanh nghiệp.

2. Quy trình đặt hàng:

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích xây dựng, đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông kế hoạch đặt hàng cung cấp dịch vụ. Nội dung kế hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sau khi nhận đủ hồ sơ;

c) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch đặt hàng của Bộ Thông tin và Truyền thông, chậm nhất trong 15 ngày, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp thương thảo, ký hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để báo cáo.

3. Nội dung kế hoạch đặt hàng:

a) Danh mục dịch vụ viễn thông công ích do doanh nghiệp cung cấp tại khu vực;

b) Danh sách khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập và số lượng công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập mà doanh nghiệp đã triển khai để cung cấp dịch vụ tại khu vực đó;

c) Nội dung đề xuất nâng cấp công trình hạ tầng (nếu có);

d) Thời điểm bắt đầu cung cấp dịch vụ, thời điểm bắt đầu tính hỗ trợ;

đ) Dự toán cung cấp dịch vụ. Trong đó mức hỗ trợ được xác định theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Trường hợp năm đầu tiên không đủ 12 tháng, thì mức hỗ trợ tính bình quân hàng tháng và tính theo số tháng thực tế cung cấp dịch vụ;

e) Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này khi báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 7. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Điều kiện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích: Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Các trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đến các khu vực huyện đảo, xã đảo và nhà giàn trên biển và các trường hợp khác theo quy định tại Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Nhà nước chưa ban hành mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đối với doanh nghiệp.

2. Quy trình giao nhiệm vụ:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ;

b) Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ đề xuất phương án kỹ thuật, thời điểm cung cấp dịch vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, đề xuất kinh phí được hỗ trợ cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;

c) Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, phê duyệt kế hoạch, dự toán;

d) Căn cứ kế hoạch, dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, chậm nhất trong 15 ngày, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam ký hợp đồng thực hiện với doanh nghiệp được giao nhiệm vụ; thực hiện nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng và thanh toán kinh phí theo quy định.

Mục 2

HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 8. Đặt hàng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

1. Điều kiện đặt hàng:

a) Dịch vụ viễn thông đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ hoặc dịch vụ viễn thông đã được doanh nghiệp tự công bố chất lượng theo tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng đối với các dịch vụ viễn thông không thuộc danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được cơ quan thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng;

c) Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua các doanh nghiệp viễn thông bằng hình thức cung cấp dịch vụ;

d) Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành giá dịch vụ viễn thông công ích theo quy định;

đ) Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

2. Căn cứ đặt hàng:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

c) Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

d) Kế hoạch, dự toán hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

3. Quy trình đặt hàng:

a) Căn cứ hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của Bộ Thông tin và Truyền thông, doanh nghiệp viễn thông, Quỹ Dịch

vụ viễn thông công ích Việt Nam lập đề xuất kế hoạch, dự toán đặt hàng thực hiện hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông trong Quý III hàng năm. Đồng thời, doanh nghiệp xây dựng phương án giá dịch vụ viễn thông công ích báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông cùng thời điểm báo cáo kế hoạch, dự toán đặt hàng;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, quyết định giá dịch vụ viễn thông công ích theo quy định của pháp luật; quyết định mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này;

c) Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch đặt hàng doanh nghiệp và giao dự toán kinh phí thực hiện trong tháng 11 hàng năm;

d) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam ký hợp đồng đặt hàng với doanh nghiệp viễn thông trước ngày 20 tháng 12 hàng năm và triển khai thực hiện theo quy định.

4. Quy trình xác nhận, hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

a) Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cung cấp danh sách các đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của địa phương mình cho doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông đặt hàng;

b) Doanh nghiệp viễn thông căn cứ danh sách đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp, thực hiện việc tiếp nhận đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của các đối tượng được hỗ trợ; lập danh sách các đối tượng được hỗ trợ đã đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp gửi Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Sở Thông tin và Truyền thông) hoặc Sở, ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ (nếu có) trước ngày 25 hàng tháng. Riêng tháng 01 hàng năm, căn cứ danh sách đối tượng được hỗ trợ, doanh nghiệp rà soát, tiếp tục cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho các đối tượng được hỗ trợ đã đăng ký sử dụng dịch vụ từ năm trước, đồng thời lập danh sách gửi Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Sở, ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ (nếu có) để xác nhận cùng danh sách đăng ký sử dụng dịch vụ trong tháng;

c) Căn cứ báo cáo của các doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Sở, ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ (nếu có) thực hiện xác nhận danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ, đảm bảo đúng đối tượng, mỗi đối tượng được hỗ trợ chỉ đăng ký sử dụng một viễn thông phổ cập tại một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, gửi doanh nghiệp viễn thông và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam. Việc xác nhận được thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được danh sách của doanh nghiệp;

d) Trường hợp phát hiện đối tượng được hỗ trợ đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ tại nhiều doanh nghiệp hoặc đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng nhiều dịch vụ,

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm làm việc với các doanh nghiệp liên quan để thống nhất xác định doanh nghiệp đối tượng được hỗ trợ đăng ký nhận hỗ trợ hoặc dịch vụ đăng ký nhận hỗ trợ, đảm bảo nguyên tắc mỗi đối tượng được hỗ trợ chỉ đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng một dịch vụ tại một doanh nghiệp;

đ) Doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ cho các đối tượng sau khi có xác nhận của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Sở, ngành được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ (nếu có).

5. Đối với hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc không phải thực hiện quy trình xác nhận đối tượng hỗ trợ sử dụng dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 9. Giao nhiệm vụ hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

1. Điều kiện giao nhiệm vụ:

- a) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 8 Nghị định này;
- b) Dịch vụ viễn thông công ích chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành giá dịch vụ và mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ.

2. Căn cứ giao nhiệm vụ: Áp dụng các căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Quy trình giao nhiệm vụ:

- a) Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp;
- b) Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, dự toán hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông;
- c) Căn cứ kế hoạch, dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, chậm nhất trong 15 ngày, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam ký hợp đồng thực hiện với doanh nghiệp; thực hiện nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng và thanh toán kinh phí theo quy định.

Điều 10. Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

1. Điều kiện hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích:

- a) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, d và điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định này;
- b) Đối tượng được hỗ trợ đã có hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông với doanh nghiệp viễn thông và có tài khoản để tiếp nhận kinh phí được hỗ trợ.

2. Căn cứ thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích:

- a) Các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này;
- b) Hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông của đối tượng với doanh nghiệp viễn thông;
- c) Các điều kiện kỹ thuật cho phép để kinh phí hỗ trợ được sử dụng đúng đối tượng và mục đích hỗ trợ.

3. Quy trình thực hiện:

a) Căn cứ danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do cấp có thẩm quyền phê duyệt, giá dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lập, trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch, dự toán.

b) Căn cứ kế hoạch, dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý thực hiện chuyển tiền vào tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ của đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ.

Mục 3

HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

Điều 11. Đấu thầu cung cấp thiết bị đầu cuối

1. Căn cứ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành yêu cầu kỹ thuật thiết bị đầu cuối.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Căn cứ yêu cầu kỹ thuật thiết bị đầu cuối, danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổ chức xây dựng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, phê duyệt dự toán kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

5. Căn cứ dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổ chức đấu thầu mua thiết bị đầu cuối theo quy định pháp luật về đấu thầu.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan liên quan thuộc địa phương phối hợp với Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, nhà thầu thực hiện bàn giao và xác nhận thiết bị đầu cuối đã được chuyển đến đối tượng được hỗ trợ.

Điều 12. Giao nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối

1. Căn cứ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ.

4. Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, dự toán báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Căn cứ kế hoạch, dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ bằng tiền cho các đối tượng theo danh sách đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp.

Điều 13. Hỗ trợ thiết bị đầu cuối trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ

1. Căn cứ điều kiện kỹ thuật cho phép Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện hỗ trợ trực tiếp đầu cuối bằng bằng tiền cho đối tượng được hỗ trợ.

2. Căn cứ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh sách đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Căn cứ danh sách đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam xây dựng dự toán, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

5. Căn cứ dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt, danh sách đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện chuyển tiền vào tài khoản tiếp nhận kinh phí hỗ trợ của đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Mục 1

NGUỒN TÀI CHÍNH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 14. Nguồn tài chính hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích

1. Nguồn thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Các nguồn thu hợp pháp của Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam

a) Lãi tiền gửi tại kho bạc nhà nước (nếu có);

b) Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 15. Mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và đối tượng được miễn, giảm đóng góp

1. Mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tối đa là 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông.

2. Miễn đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam góp 02 (hai) năm kể từ ngày được cấp phép đối với các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng được cấp phép lần đầu.

3. Giảm 50% mức đóng góp trong 01 (một) năm tiếp theo kể từ ngày hết thời hạn miễn đối với các doanh nghiệp được miễn đóng góp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. Các doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng được cấp phép lần đầu trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được miễn, giảm đóng góp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Đóng góp tài chính của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam được hạch toán vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức đóng góp cụ thể trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

7. Thời điểm đóng góp, thời gian đóng góp tài chính của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam:

a) Đảm bảo nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn trên cơ sở cân đối với nguồn kinh phí còn dư của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước chuyển sang;

b) Đảm bảo phù hợp với kế hoạch thực hiện và tiến độ giải ngân của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn;

c) Thời điểm bắt đầu thu đóng góp của doanh nghiệp viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc ưu tiên sử dụng trước nguồn kinh phí còn dư của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn trước chuyển sang;

d) Trường hợp thời gian thu đóng góp không đủ 12 tháng thì tính thu đóng góp của các doanh nghiệp trên cơ sở doanh thu bình quân các tháng trong năm và số tháng thu đóng góp trong năm đó;

đ) Thời điểm dừng thu đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định trên cơ sở đã đảm bảo thu đủ theo nhu cầu kinh phí thực tế để thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và hoạch toán khoản đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Mục 2

MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG, CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM CHO HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 16. Mục đích sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích

1. Chi hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.
2. Chi hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
3. Chi hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho đối tượng được hỗ trợ.

4. Chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoạt động viễn thông công ích theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

5. Chi hoạt động của bộ máy quản lý Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Luật Viễn thông, không quá 5% số đã đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng giai đoạn.

Điều 17. Nội dung, nguyên tắc hỗ trợ và định mức chi phí hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Nội dung chi phí hỗ trợ doanh nghiệp: Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc lựa chọn thông qua đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực được phổ cập dịch vụ viễn thông được hỗ trợ bù đắp các chi phí trực tiếp cung cấp dịch vụ tại khu vực này; gồm:

a) Chi phí khấu hao tài sản cố định đối với công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;

b) Chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập; gồm: Chi phí điện, nhiên liệu, năng lượng, nhân công, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và các chi phí liên quan khác (nếu có);

c) Chi phí thuê địa điểm lắp đặt thiết bị, chi phí thuê hạ tầng (nếu có).

2. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích:

a) Chi phí khấu hao được hỗ trợ theo chi phí thực tế, không vượt quá định mức chi phí khấu hao do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

b) Chi phí duy trì được hỗ trợ theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định này nhưng không vượt quá định mức chi phí duy trì do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

c) Mức hỗ trợ doanh nghiệp bao gồm các chi phí quy định tại các điểm a, b khoản này và phải trừ doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định này.

3. Xác định các định mức chi phí và doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức lập và công bố thiết kế tiêu chuẩn công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;

b) Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy trình duy trì, vận hành khai thác công trình hạ tầng theo thiết kế tiêu chuẩn;

c) Căn cứ thiết kế tiêu chuẩn, quy trình duy trì, vận hành quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và ban hành định mức chi phí khấu hao, định mức chi phí duy trì;

d) Định mức chi phí khấu hao: Được xác định theo giá trị dự toán công trình hạ tầng theo thiết kế tiêu chuẩn và chế độ quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản của doanh nghiệp. Trong đó áp dụng thời gian trích khấu hao là thời gian trung bình giữa

thời gian trích khấu hao tối đa và thời gian trích khấu hao tối thiểu tài sản cố định, áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng;

đ) Định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng được cấu thành từ các khoản chi phí nhân công, điện năng, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên công trình;

e) Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập thuê địa điểm lắp đặt thiết bị, thuê hạ tầng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định này;

g) Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực: xác định theo quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định này.

Điều 18. Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo phương thức đấu thầu

1. Doanh nghiệp viễn thông trúng thầu thực hiện gói thầu theo hợp đồng kết quả đấu ra. Hợp đồng theo kết quả đấu ra bao gồm các nội dung sau:

a) Địa điểm đầu tư công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;
b) Hồ sơ hoàn công theo từng địa điểm đầu tư công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;

c) Thời gian bắt đầu cung cấp dịch vụ;

d) Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập vào sử dụng;

đ) Công bố chất lượng dịch vụ viễn thông theo quy định;

e) Báo cáo quyết toán công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đã hoàn thành đưa vào sử dụng, chi tiết theo từng địa điểm đầu tư của doanh nghiệp; Trong đó, báo cáo chi tiết giá trị các thành phần cấu thành công trình hạ tầng, bao gồm: Nguyên giá, giá trị còn lại, thời gian trích khấu hao còn lại. Đối với các thành phần cấu thành công trình không xác định được giá trị còn lại, thời gian khấu hao còn lại thì giá trị của thành phần này được xác định bằng 0 (không) trong nguyên giá tài sản cố định công trình khi xác định chi phí khấu hao tài sản cố định. Trường hợp báo cáo quyết toán có điều chỉnh thì doanh nghiệp thực hiện báo cáo bổ sung;

g) Hợp đồng, chứng từ, hóa đơn thuê địa điểm lắp đặt thiết bị, thuê hạ tầng (nếu có);

h) Kinh phí hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập đề nghị thanh toán được xác định như sau:

Mức hỗ trợ doanh nghiệp	=	Chi phí khấu hao tài sản cố định công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	+	Chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	-	Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập
-------------------------	---	---	---	--	---	---

Trong đó:

- Chi phí khấu hao công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập: Là chi phí khấu hao thực tế của các công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập do doanh nghiệp viễn thông đầu tư theo hợp đồng, nhưng không vượt quá định mức chi phí khấu hao do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này;

- Chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập: Là chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo kết quả đấu thầu nhưng không vượt quá định mức chi phí duy trì công trình do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

Trường hợp doanh nghiệp thuê địa điểm lắp đặt thiết bị, thuê hạ tầng: Chi phí thuê địa điểm lắp đặt thiết bị, chi phí thuê hạ tầng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được xác định theo kết quả đấu thầu.

2. Trường hợp doanh nghiệp đầu tư vượt yêu cầu của gói thầu, doanh nghiệp phải phân bổ chi phí tương ứng cho các nội dung đầu tư vượt yêu cầu và chỉ được thanh toán kinh phí hỗ trợ trong phạm vi yêu cầu tối thiểu đã quy định đối với gói thầu.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu báo cáo.

Điều 19. Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo phương thức đặt hàng

1. Theo từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành mức hỗ trợ để thực hiện đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.

2. Mức hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập được xác định như sau:

Mức hỗ trợ doanh nghiệp	=	Chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	-	Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập
-------------------------	---	--	---	---

Trong đó:

- Chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập: Theo định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập do các doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Thông tin và Truyền thông đặt hàng nâng cấp công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, doanh nghiệp được hỗ trợ chi phí khấu hao thiết bị nâng cấp công trình hạ tầng theo thực tế và không quá 05 năm.

4. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu báo cáo.

Điều 20. Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo phương thức giao nhiệm vụ

1. Mức hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông là chi phí thực tế của doanh nghiệp phát triển, nâng cấp công trình hạ tầng và duy trì cung cấp dịch vụ theo báo cáo quyết toán thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định tại Điều 17 Nghị định này và trong phạm vi dự toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt. Trong đó doanh thu giảm trừ mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phát sinh tại khu vực do doanh nghiệp báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu báo cáo.

Điều 21. Thời hạn hỗ trợ và đảm bảo kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập

1. Đối với trường hợp đấu thầu:

a) Doanh nghiệp được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập trong thời gian 5 năm liên tục (60 tháng) kể từ tháng tiếp theo tháng đưa công trình vào cung cấp dịch vụ.

Trường hợp thời gian cung cấp dịch vụ còn lại của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hiện tại không đủ 5 năm, thời gian còn thiếu được bố trí kinh phí ở chương trình giai đoạn tiếp theo và chuyển tiếp dự toán kinh phí doanh nghiệp còn được hỗ trợ sang chương trình giai đoạn tiếp theo đảm bảo hỗ trợ đủ thời gian theo kết quả đấu thầu.

b) Sau thời gian 5 năm, kể từ khi công trình bắt đầu được hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp tiếp tục được hỗ trợ chi phí duy trì (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định) tại khu vực được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định tại Nghị định này cho đến hết thời gian thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích của giai đoạn đang thực hiện (thời điểm hợp đồng thực hiện hiện gói thầu, giao nhiệm vụ kết thúc).

2. Đối với trường hợp đặt hàng:

a) Thời gian hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông được đặt hàng tính từ thời điểm được hỗ trợ theo hợp đồng đặt hàng đến khi kết thúc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;

b) Doanh nghiệp viễn thông tiếp tục được hỗ trợ từ năm đầu tiên của Chương trình tiếp theo nếu vẫn thuộc đối tượng được hỗ trợ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tiếp theo;

c) Trường hợp doanh nghiệp được đặt hàng nâng cấp công trình hạ tầng, chi phí khấu hao phần thiết bị nâng cấp được hỗ trợ theo thực tế và không quá 05 năm.

3. Đối với trường hợp giao nhiệm vụ:

a) Doanh nghiệp viễn thông được giao nhiệm vụ thực hiện cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực được hỗ trợ trong thời gian 5 năm liên tục (60 tháng) kể từ thời điểm được tính hỗ trợ;

b) Trường hợp thời gian cung cấp dịch vụ còn lại của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích hiện tại không đủ 5 năm, thời gian còn thiếu được bố trí kinh phí ở chương trình hiện tại và chuyển tiếp dự toán kinh phí doanh nghiệp còn được hỗ trợ sang chương trình giai đoạn tiếp theo để đảm bảo hỗ trợ đủ thời gian;

c) Khi kết thúc thời gian hỗ trợ 5 năm, doanh nghiệp viễn thông tiếp tục được hỗ trợ chi phí duy trì theo phương thức giao nhiệm vụ theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại thời điểm đó.

Mục 3

HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH, THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

Điều 22. Hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

1. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc thông qua doanh nghiệp viễn thông: Miễn phí cho tất cả các đối tượng sử dụng dịch vụ. Mức hỗ trợ bằng mức giá dịch vụ viễn thông bắt buộc.

2. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo mức hỗ trợ do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và được áp dụng ổn định trong cả thời gian thực hiện Chương trình. Trường hợp nhà nước thay đổi giá dịch vụ viễn thông công ích hoặc có sự biến động lớn về nhu cầu sử dụng dịch vụ, thay đổi về yêu cầu chất lượng dịch vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, điều chỉnh mức hỗ trợ trên cơ sở đảm bảo cân đối nguồn kinh phí của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

3. Nguyên tắc xác định mức hỗ trợ đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập

a) Đối tượng được hỗ trợ bắt đầu sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập từ ngày đầu tháng đến ngày 15 của tháng: Được áp dụng mức hỗ trợ bằng 100% mức hỗ trợ/tháng;

b) Đối tượng được hỗ trợ bắt đầu sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập từ ngày 16 đến ngày cuối tháng: Được áp dụng mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ/tháng.

4. Thời gian được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện như sau:

a) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện phải rà soát đối tượng hàng năm theo quy định của pháp luật, thời gian hỗ trợ hàng năm được tính từ tháng bắt đầu sử dụng dịch vụ cho đến hết năm dương lịch và thời gian quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Đối với các đối tượng được hỗ trợ không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì thời gian hưởng hỗ trợ từ khi bắt đầu được cung cấp dịch vụ cho đến khi không còn là đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật và theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

5. Trường hợp năm tiếp theo, các đối tượng đang được hỗ trợ năm trước liên kế chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, được tiếp tục hỗ trợ không quá 03 tháng của năm tiếp theo.

6. Trường hợp kết thúc Chương trình giai đoạn trước, các đối tượng đang được hỗ trợ của Chương trình khi được cấp có thẩm quyền xác nhận thuộc đối tượng, được tiếp tục duy trì hỗ trợ cho đến khi Chương trình giai đoạn mới thực hiện.

Điều 23. Hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho đối tượng được hỗ trợ

1. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật: Mức hỗ trợ bằng với giá thiết bị trọn gói (bao gồm chi phí bàn giao thiết bị đến trung tâm xã mà đối tượng được hỗ trợ cư trú) theo kết quả đấu thầu mua sắm thiết bị đầu cuối.

2. Trường hợp hỗ trợ bằng tiền: Mức hỗ trợ là số tiền do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

Điều 24. Chi quản lý hoạt động viễn thông công ích

1. Ngoài các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ trang thiết bị đầu cuối, chi hoạt động viễn thông công ích còn bao gồm các khoản chi quản lý hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2. Căn cứ nội dung nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, yêu cầu quản lý và các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định về mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục hoạt động của cơ quan nhà nước do cấp có thẩm quyền ban hành, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét phê duyệt. Việc triển khai sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Mục 4

LẬP KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN, THỰC HIỆN DỰ TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ VÀ HỆ THỐNG BIỂU MẪU QUẢN LÝ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 25. Kế hoạch thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Căn cứ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức lập kế hoạch thực hiện Chương trình.

2. Nội dung kế hoạch thực hiện Chương trình bao gồm:

- a) Mục tiêu;
 - b) Danh mục dịch vụ viễn thông công ích;
 - c) Phạm vi, đối tượng cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối;
 - d) Nội dung, phương thức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình;
 - đ) Nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ;
 - e) Tiến độ, thời gian thực hiện;
 - g) Giải pháp tổ chức thực hiện.
3. Kế hoạch được lập cho cả giai đoạn và hàng năm.

Điều 26. Căn cứ lập dự toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

- 1. Kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.
- 2. Định mức chi phí khấu hao và định mức chi phí duy trì công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
- 3. Mức hỗ trợ doanh nghiệp do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo quy định tại Điều 19 Nghị định này (đối với trường hợp đặt hàng).
- 4. Báo giá của doanh nghiệp (nếu có).
- 5. Dự toán được lập cho cả giai đoạn 5 năm và hàng năm.

Điều 27. Căn cứ lập dự toán kinh phí hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối

- 1. Kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.
- 2. Dự kiến số lượng đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; đối tượng được hỗ trợ thiết bị đầu cuối;
- 3. Mức hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích do cơ quan có thẩm quyền ban hành; trường hợp chưa có mức hỗ trợ thì sử dụng mức hỗ trợ dự kiến;
- 4. Mức hỗ trợ thiết bị đầu cuối do cơ quan có thẩm quyền ban hành; trường hợp chưa có mức hỗ trợ thì sử dụng mức hỗ trợ dự kiến trên cơ sở khảo sát giá thị trường.
- 5. Các chính thuế có liên quan theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có).
- 6. Dự toán được lập cho cả giai đoạn 5 năm và hàng năm.

Điều 28. Nội dung và thời hạn lập dự toán

- 1. Nội dung dự toán
 - a) Dự toán hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập;
 - b) Dự toán hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích;
 - c) Dự toán hỗ trợ thiết bị đầu cuối;
 - d) Dự toán thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Thời hạn lập dự toán

a) Dự toán thực hiện Chương trình: Được lập sau khi Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Dự toán hàng năm: Các doanh nghiệp, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam lập, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông trong Quý III hàng năm.

Điều 29. Giao dự toán kinh phí hỗ trợ cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối

1. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tổng hợp dự toán quy định tại Khoản 2 Điều 28, trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông giao dự toán thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ khác liên quan để thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trước ngày 30 tháng 11 hàng năm cho năm sau.

Điều 30. Thực hiện dự toán, quyết toán kinh phí hoạt động viễn thông công ích

1. Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán của Bộ Thông tin và Truyền thông, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện dự toán theo các quy định tại Nghị định này và của pháp luật liên quan.

2. Hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích:

a) Hợp đồng giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam với các doanh nghiệp viễn thông được lập cho cả Chương trình và phân kỳ hàng năm. Riêng hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập theo phương thức đấu thầu, giao nhiệm vụ được ký với thời gian quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định này và không bị giới hạn bởi thời gian của Chương trình đang thực hiện;

b) Mẫu hợp đồng kèm theo Nghị định này.

3. Tạm ứng:

a) Đối với trường hợp hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông theo phương thức đấu thầu, giao nhiệm vụ phát triển công trình hạ tầng: Doanh nghiệp được tạm ứng trong thời gian chưa cung cấp dịch vụ (nếu có) 01 lần, kinh phí tạm ứng bằng 20% giá trị hợp đồng. Khi doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập, kinh phí tạm ứng hàng năm theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Đối với trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập tại khu vực đã có dịch vụ: Tạm ứng 02 lần/năm. Tạm ứng lần đầu bằng 30% giá trị hợp đồng của năm. Tạm ứng lần 2 sau 6 tháng kể từ lần tạm ứng lần đầu, mức tạm ứng bằng 30% giá trị hợp đồng còn lại của năm (sau khi thanh toán tạm ứng lần đầu);

c) Đối với hợp đồng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích: Thực hiện tạm ứng 06 tháng/01 lần. Năm đầu tiên thực hiện hợp đồng tạm ứng 01 lần vào

thời điểm doanh nghiệp đã có báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm; mức tạm ứng bằng 30% báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đó (Ngoài phần kinh phí được thanh toán theo kết quả thực hiện 06 tháng đầu tiên). Các lần tạm ứng tiếp theo, mức tạm ứng bằng giá trị thực hiện 06 tháng trước liền kề nhưng không quá 30% giá trị hợp đồng của năm.

d) Trường hợp thực hiện các hợp đồng khác: Mức tạm ứng bằng 30% giá trị hợp đồng. Lần tạm ứng tiếp theo phải tính cả số kinh phí tạm ứng còn lại của lần tạm ứng trước sau khi nghiệm thu giá trị dịch vụ doanh nghiệp đã thực hiện.

4. Nghiệm thu:

a) Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ báo cáo kết quả thực hiện kỳ 06 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 hàng năm; báo cáo kết quả thực hiện kỳ 06 tháng cuối năm và cả năm trước ngày 15 tháng 02 năm sau;

b) Thời điểm nghiệm thu 06 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 8 hàng năm;

c) Thời điểm nghiệm thu 06 tháng cuối năm và cả năm: Trước 15 tháng 3 năm sau;

d) Căn cứ nghiệm thu: Hợp đồng giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam với các doanh nghiệp, tổ chức; Báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng; Các tài liệu, chứng từ có liên quan.

5. Thanh toán:

a) Căn cứ thanh toán: Hợp đồng giữa Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam với các doanh nghiệp, tổ chức; Biên bản nghiệm thu khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành theo hợp đồng; Biên bản xác định giá trị khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành; Hóa đơn bán hàng (nếu có) của doanh nghiệp, tổ chức.

b) Các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc lựa chọn thông qua đấu thầu cung cấp, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, hỗ trợ thiết bị đầu cuối được thanh toán theo quyết toán được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt.

Trong thời gian chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp được thanh toán theo kết quả nghiệm thu chậm nhất 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành nghiệm thu. Mức thanh toán bằng 95% giá trị nghiệm thu; số kinh phí còn lại sẽ được thanh toán sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán.

6. Quyết toán kinh phí hoạt động viễn thông công ích

a) Kinh phí hỗ trợ hoạt động viễn thông công ích được quyết toán hằng năm theo khối lượng đã được nghiệm thu hằng năm theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ, hỗ trợ thiết bị đầu cuối bằng tiền: Căn cứ quyết toán là chứng từ chuyển tiền của Quỹ vào tài khoản của đối tượng được hỗ trợ. Thời gian Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam hoàn thành báo cáo quyết toán hằng năm thực hiện trước 30/9 năm sau.

b) Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được phê duyệt quyết toán sau khi kết thúc Chương trình.

c) Biểu mẫu lập, phê duyệt quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích kèm theo Nghị định này.

Điều 31. Hệ thống biểu mẫu quản lý hoạt động viễn thông công ích

1. Hệ thống biểu mẫu quản lý hoạt động viễn thông công ích ban hành kèm theo Nghị định này bao gồm:

- a) Biểu mẫu quản lý hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích;
- b) Biểu mẫu quản lý hỗ trợ đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích;
- c) Biểu mẫu quản lý hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho đối tượng được hỗ trợ;
- d) Biểu mẫu lập kế hoạch, dự toán, quyết toán kinh phí hoạt động viễn thông công ích.

2. Căn cứ hệ thống biểu mẫu ban hành tại khoản 1 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn áp dụng cụ thể phù hợp với Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích từng thời kỳ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất địa bàn được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, danh sách đối tượng được hưởng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối tại địa phương;

b) Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định này.

c) Tổ chức thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo nhiệm vụ được giao;

d) Phối hợp kiểm tra thực hiện hoạt động viễn thông công ích tại địa phương.

3. Các doanh nghiệp viễn thông:

a) Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định này.

b) Thực hiện đóng góp tài chính cho Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.

d) Doanh nghiệp được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập có trách nhiệm chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông và chuyển vùng dịch vụ viễn thông di động mặt đất với các doanh nghiệp viễn thông di động khác theo quy định của pháp luật.

4. Đối tượng được hỗ trợ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết cho các cơ quan nhà nước liên quan và cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

Điều 34. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở khu vực được phổ cập dịch vụ viễn thông phổ cập theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được áp dụng phương thức giao nhiệm vụ quy định tại Nghị định này và được hỗ trợ đủ 5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Hết thời hạn trên, doanh nghiệp tiếp tục được hỗ trợ theo phương thức đặt hàng nếu vẫn thuộc đối tượng của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tiếp theo.

2. Phương thức giao kế hoạch trong Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 được áp dụng phương thức giao nhiệm vụ quy định tại Nghị định này.

3. Đối với việc xác nhận đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính